

- 1.- Thẻ này cấp phát cho cá-nhân và người đứng tên chịu trách nhiệm giữ.
- 2.- Thẻ có giá trị trong năm, nếu mất sẽ không được cấp phó bản ngoại trừ trường hợp bất khả kháng được Chỉ-huy-Trưởng đơn-vị và nhà chức trách địa-phương chứng nhận.
- 3.- Cần chuyển nhượng, đổi chác hay cầm thế thẻ này.
- 4.- Phải hoàn-lại thẻ này cho đơn-vị khi giải ngũ hoặc chuyển chuyển đến 1 đơn-vị không thuộc sự yểm-trợ của QH/QTV gốc.
- 5.- Khi chuyển-chuyển đến một đơn-vị không thuộc sự yểm-trợ của QH/QTV gốc thì phải xin QH này hoàn-lại phần thẻ mà QH lưu giữ để được cấp thẻ tại đơn-vị mới.
- 6.- Cần nhượng hoặc trao đổi hàng QTV cho dân chúng.
- 7.- Nếu vi phạm các điều khoản trên thẻ sẽ bị thu hồi vĩnh-viễn và còn có thể bị truy tố trước Tòa-An-Q.sử.

THẺ QUÂN TIẾP-VỤ

Nơi mua bán: QH/QTV/KH

Họ và Tên	Lê-sĩ-Tường
Cấp-bậc	Trung-sĩ
Số-quân	42/345.663
Đơn-vị	Đại-Đội 4/509/ĐP
Tên-Vợ	Nguyễn-thị-E
Số-Con	04
KBG	6/50, ngày 16-8-74
Được-sĩ	LÊ-XICU-DIC

MÀU QĐ917B (Thay thế QĐ917A ng 10-71)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **820047808**

Họ tên **NGUYỄN-THỊ-E**



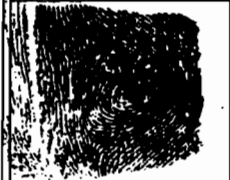
Sinh ngày **12-11-1942**

Nguyên quán **Xã Phú Hưng,**

Châu Thành, Bến Tre.

Nơi thường trú **452B Xã Phú**

Khương, Thị Xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo thẳng 0,6cm cách 2,8cm sau mép phải.	
		06 năm 1978	
NGÓN TRỎ PHẢI		 TRẦN VĂN CHÉN	

Số: 939/74

QUỐC-GIA-NHĨA-TỬ

- HỌ và TÊN (nguyên đơn)

Nguyễn-Thu - # 50

- HỌ và TÊN (chồng)

Lê Sĩ Thông

- ĐỊA-CHỈ

Ấn-hoà - (Khuôn - hĩa)

Kiên-Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 1974

TL. CHÁNH-LỤC-SỰ

NGUYỄN-NGỌC-PHÂN

3.2.25
18/11/74

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH VIỆT HOA
QUẬN -
XÃ Phát Triển An-Hội
SỐ HIỆU 1192

TRÍCH LỤC BỘ KHAI TỬ

Lập ngày 14 tháng 8 năm 19 74

Tên họ người chết LE SI TUOLIN
Nghề nghiệp QUAN LIAH
Tên họ người cha LE VAN CANG
Tên họ người mẹ TRAN THI NAM
Ngày từ trần MUOI HAI THANG NAM 1974
Nơi từ trần TRUONG KIM VAO BACH VIEN
Địa chỉ người chết KINH. 4245
Tên họ người hôn phối NGUYEN THI B

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Ngày 01 tháng 01 năm 19 75

Xã Trưởng Kim Quy Viên Hộ-Tịch

PHAN-VĂN-HIỀN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiên-Hòa

QUẬN Phát

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2192

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 21 tháng 9 năm 19 70

Tên họ đứa trẻ LÊ QUỐC TUẤN

Con trai hay con gái nam

Ngày sanh Hai mươi tháng chín năm 1970

Nơi sanh An-Hội - Kiên-Hòa

Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường

Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-E

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 19 75

Xã Phát Triển Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến-Hồ

QUẬN Phát-Triển An-Hội

XÃ Phát-Triển An-Hội

SỐ HIỆU 1570

TRÍCH LỤC BỐ KHAI-SANH

Lập ngày 21 tháng 08 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ LÊ THỊ TÚ-TRINH

Con trai hay con gái NỮ

Ngày sanh Mười tám, tháng tám năm 1974

Nơi sanh An-Hội, Kiến-Hồ

Tên họ người cha Lê-Gi-Tường (Chết)

Tên họ người mẹ Nguyễn-Chị-E

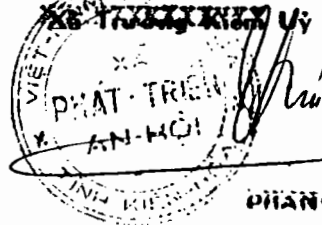
Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ-Chánh

Tên họ người đứng khai Nguyễn-Thị-K

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 23 tháng 8 năm 19 74

Xã-Phát-Triển An-Hội Ủy Viên Hộ-Tịch



PHẦN-VĂN-HIỆN

B/lob

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiên-Hòa

QUẬN /

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2331

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 2 tháng 10 năm 19 68

Tên họ đứa trẻ LÊ TUI THANH-TRÚC

Con trai hay con gái Nữ

Ngày sanh Hai tháng Mười năm 1968

Nơi sanh An-Hội - Kiên-Hòa

Tên họ người cha Lô-Gi-Tường

Tên họ người mẹ Nguyễn-Thị-B

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Tên họ người đứng khai Lô-Gi-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 19 75

Xã Trưởng Kiến Ủy Viên Hộ-Tịch Phan-Văn-Hiền



PHAN-VĂN-HIỀN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN /

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2328

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

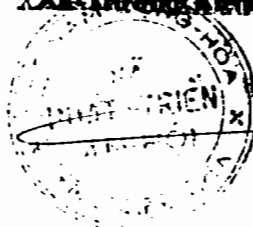
Lập ngày 06 tháng 10 năm 19 69

Tên họ đứa trẻ LÊ-THỊ THANH-LOAN
Con trai hay con gái NỮ
Ngày sanh 01 tháng mười năm 1969
Nơi sanh An-Hội - Kiến-Hòa
Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường
Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-R
Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh
Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 19 75

~~X~~ ~~Đ~~ ~~Ư~~ ~~Đ~~ Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỆN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến - Hòa

QUẬN /

XÃ Phát Triển An Hội

SỐ HIỆU 2320

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 28 tháng 10 năm 1971

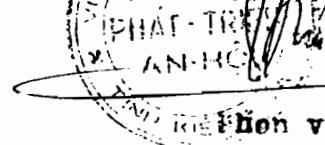
Tên họ đứa trẻ :	Lê Tuấn Tú
Con trai hay con gái	nam
Ngày sinh	01 mười tám tháng mười năm 1971
	/
Nơi sinh	An Hội Kiến - Hòa
Tên họ người cha	Lê Sĩ Tường
Tên họ người mẹ	Nguyễn Thị E
Vợ chánh hay không có hôn thú	Vợ chánh
Tên người đứng khai	Lê Sĩ Tường

TRÍCH LỤC Ý BẢN CHÍNH

An Hội

ngày 21 tháng 8 năm 1974

Xã trưởng kiêm Ủy viên Hộ tịch



10/h

Phon văn điển

2

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Ơm

- Họ và tên LÊ THỊ THANH TRÚC
- Bí danh (Tên thường gọi)
- Ngày tháng năm sinh 1968 Nam, Nữ Nữ
- Nơi sinh Xã Tân - Bến Tre
- Nguyên quán Xã Tân - Bến Tre
- Dân tộc Kinh Tôn giáo
- Nghề nghiệp Nhà
- Nơi làm việc
- Giấy CMND số 32.06.42.540
- Ngày cấp Nơi cấp
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú 16/10/76
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 9 tháng 10 năm 95
Trưởng Công an TX Bến Tre

Chuyển đi ngày 20.05.97

Nơi chuyển đến 101B ĐINH, P5, TX BTre

Lý do khác

Trưởng Công an Thị xã Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

SỔ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ... NGUYỄN TH E
Số nhà... 4528
Đường phố, ấp... I
Phường, xã, thị trấn... Phm Khương
Huyện, thị xã... Thị xã Bến Tre

Ngày... tháng... năm... 95
Trưởng Công an TX... Bến Tre

Số... 01326 Mẫu số NK3a

CHỦ HỘ

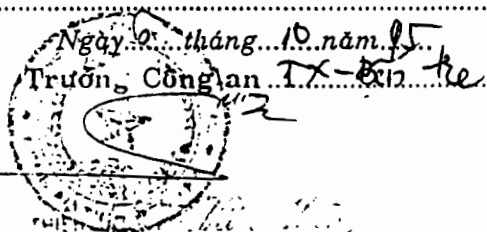
- Họ và tên... NGUYỄN TH E
- Bí danh (Tên thường gọi).....
- Ngày tháng năm sinh... 1942 Nam, Nữ... Nữ
- Nơi sinh... Phm Hưng - Thị xã Bến Tre
- Nguyên quán... Thị xã Bến Tre
- Dân tộc... Việt Tôn giáo.....
- Nghề nghiệp... CN
- Nơi làm việc... giáo viên
- Giấy CMND số... 32004780
- Ngày cấp... 7/6/78 Nơi cấp.....
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú... 10/10/75
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến.....

Ngày... tháng... năm... 95
Trưởng Công an TX... Bến Tre

Chuyển đi ngày
Nơi chuyển đến.....
Lý do khác.....
Trưởng Công an.....

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: cm.

- Họ và tên LÊ THỊ TÚ TRINH
 - Bí danh (Tên thường gọi)
 - Ngày tháng năm sinh 1974 Nam, Nữ Nữ
 - Nơi sinh Xã Bình - Huyện Bình
 - Nguyên quán Xã Bình - Huyện Bình
 - Dân tộc Kinh Tôn giáo
 - Nghề nghiệp CN
 - Nơi làm việc giáo viên
 - Giấy CMND số 32884295
 - Ngày cấp 25/1/89 Nơi cấp
 - Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/75
 - Nơi thường trú trước khi chuyển đến

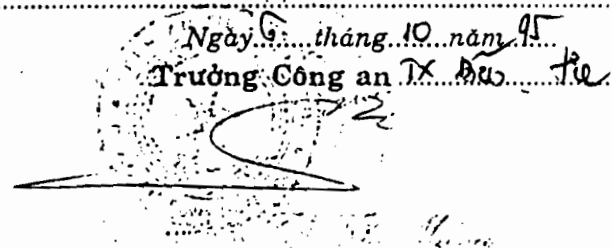


Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác

Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: cm.

- Họ và tên LÊ THỊ THANH LOAN
 - Bí danh (Tên thường gọi)
 - Ngày tháng năm sinh 1969 Nam, Nữ Nữ
 - Nơi sinh Phường Nhượng - Thị xã - Bình
 - Nguyên quán Phường Nhượng - TX - Bình
 - Dân tộc Kinh Tôn giáo
 - Nghề nghiệp CN
 - Nơi làm việc giáo viên
 - Giấy CMND số 32572310
 - Ngày cấp 20/1/84 Nơi cấp
 - Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/75
 - Nơi thường trú trước khi chuyển đến



Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác

Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Cm

- Họ và tên LÊ QUỐC TẤN
 Bí danh (Tên thường gọi)
 Ngày tháng năm sinh 1970 Nam, Nữ Nam
 Nơi sinh Phước Khương - Thị xã - Bình Định
 Nguyên quán Phước Khương - TX - PT
 Dân tộc Nhật Tôn giáo
 Nghề nghiệp Làm việc
 Nơi làm việc
 Giấy CMND số 320694648
 Ngày cấp Nơi cấp
 Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/76
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 6 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Bình Định


Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác
 Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Cm

- Họ và tên LÊ TẤN TỬ
 Bí danh (Tên thường gọi)
 Ngày tháng năm sinh 1971 Nam, Nữ Nam
 Nơi sinh Thị trấn - Bình Định
 Nguyên quán Thị trấn - PT
 Dân tộc Nhật Tôn giáo
 Nghề nghiệp Làm việc
 Nơi làm việc
 Giấy CMND số 320727664
 Ngày cấp 14/11/89 Nơi cấp
 Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/76
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 6 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Bình Định


Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác
 Trưởng Công an

ĐƠN XIN CỨU XÉT

KÍNH GỬI : HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FALLS CHURCH VA

KÍNH NGÀI ,

Tôi tên : **NGUYỄN THỊ E** , sinh năm 1942 , tại xã Phú Hưng , Châu Thành .
Bến Tre .

Hiện ngụ tại số nhà : 452 / B , ấp 5 , phường Phú Khương , thị xã Bến Tre .

Kính trình những việc sau đây :

Năm 1974 , chồng tôi là cố Trung sĩ nhất **LÊ SĨ TƯỜNG** .Hạ sĩ quan quân số địa phương quân, trực thuộc Tiểu khu Kiến Hoà, bị tử thương ngày 12/08/1974 trên đường đi tuyển mộ tân binh tại ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, chi khu Mỏ Cày, tại XS.455.277 , bị Việt Cộng dùng súng M.16 ám sát .Lúc đó đứa con cuối lòng của tôi chưa đầy tháng .

Sau ngày 30/04/1975. hồ sơ xin trợ cấp cô nhi quả phụ và quốc gia nghĩa tử làm chưa kịp, cho nên tôi chưa được hưởng gì cả. Do đó đến nay gia đình chúng tôi luôn gặp khó khăn .

Kính xin Quý Ngài Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam, cứu xét và giúp đỡ cho gia đình chúng tôi được xuất cảnh theo diện HO do chính phủ Hoa Kỳ đang cứu xét vì lòng nhân đạo của Quý Ngài .

Kính mong Quý Ngài giúp đỡ và thương xót gia đình chúng tôi . Tạo một cơ hội tốt cho gia đình chúng tôi thoát khỏi hoàn cảnh đau thương để gia đình vượt qua mọi khó khăn mà từ lâu gia đình hằng ao ước. Tôi rất mong sự phúc đáp của Quý Ngài .

Đây là những giấy tờ có liên quan đến chồng tôi . Kính mong Quý Ngài xem xét cho gia đình chúng tôi trong lúc này .

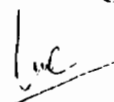
1. Tường trình uỷ khúc
2. Hồ sơ xin hưởng cấp dưỡng quả phụ
3. Chứng chỉ không tái giá
4. Phòng lục sự toà sơ thẩm
5. Chứng chỉ sống chung
6. Chứng chỉ ngừng lương

7. Chứng thư hành chánh
8. Báo cáo tạ thế
9. Giấy chứng thương
10. Tướng mạo quân vụ
11. Sáu tờ giấy khai sanh
12. Quốc gia nghĩa tử
13. Thẻ quân tiếp vụ
14. Hộ khẩu
15. Trích lục bộ khai tử

Kính mong Quý Ngài vì lòng nhân đạo mà cứu xét cho chúng tôi . Chúng tôi thành thật biết ơn .

Bến Tre ,ngày 06 tháng 03 năm 1999

Người đương đơn,



Nguyễn Thị E

10% HONG TRINH UY KINH
TRUONG HOP TU THONG CHA.

(/LET NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN IV + QUAN KHU 4
TINH PHU THUAN HOA
TINH DOAN 502/DP.
DAI DOI 4/502/DP.

-I-

SO: 1025 / 004/502/DP/CTUK/IS.

- Ho va ten : LE SI TUONG
- Cap - Dac : Trung-Si/DP4/DU
- So - Quan : 42/345.663
- Don - Vi : DD4/502/DP.TK/Kien Hoa

- TRUONG HOP XAY RA : Vao luc 13 gio 45 phut, ngay 12 thang 08 nam 1974 HSQ Duong-Su di tuyen mo Tan Binh tai an Cho Xep xa Tan Thanh Binh Chi Khu Po Cay tai XS 455.277 bi Viet Cong dung sung M.16 or Sat.
- KET-VA : Ha-Si-thuan Duong-Su bi tu thuong;
- QIEY TRACH CONG VU : HSQ Duong-Su duoc hoan toan thay trach vi Cong vu./-

KBC 3123, ngay 13 thang 08 nam 1974
Thieu-Uy TRAU-TRUC
XLTV, Dai Doi Truong Dai Doi 4/502/DP.

LUU./-



U U - U I N

BẢO CAO TẠ-THỂ

Viet-Nam Cong-Hoa
Quan-Luc Viet-Nam Cong-Hoa
Quan-Đoàn IV - Quan Khu 4
Tieu-Khu Kien-Hoa
Tieu Đoan 509/ĐP

So : 080 /TD.509/ĐP.

Họ và Tên : LE - SI - TUONG

Cấp-Bậc : TRUNG-SI/ĐPQ/DU

Số-Quan : 42.345.663

Bình Ngạch : ĐPQ/DU.

Cho, ngày, tháng, năm duyên có sự chết : Ngày 12-08-1974 tại XS.455.
277, tại Xã Tân-Thành-Bình, Quận Mộ-Cây, Kien-Hoa.
Đi Viet-Cong An-Sat.

Ngày Sinh : 1942 An-Hoi, Kien-Hoa.

Gia-Canh : Vô 05 con.

Tên ba con thân thuộc với người chết và địa-chỉ người phải báo tin:
Le-Van-Cang, An-Hoi, Truc-Giang, Kien-Hoa.

Trat lương :

Tham niên công-vụ : 06 năm 04 tháng 22 ngày.

Ngày và nơi chôn : 14-08-1974 tại An-Hoi, Truc-Giang, Kien-Hoa.

Quy-Trách Công-vụ : Được Quy-Trách Công-Vụ.

NOI-NHAN :

KHC. 3123, ngày 28 tháng 08 năm 1974

Dai-Uy VO-VAN-DUC

Q. Tieu-Doan-Truong, Tieu-Đoan 509/ĐP

(An ky)

SAO Y BẢN CHÍNH :

KHC. 4245, ngày 27 tháng 01 năm 1975

TL.Đai-Tả PHAM-CHÍ-KIM

Tiểu-Khu-Trưởng Tiểu-Khu Kien-Hoa

KP.Thiếu-Mã NGUYỄN-THANH-PHONG

XLTV.Tham-Mưu-Trưởng

Thiếu-Tả VÕ-VAN-ĐÔNG

Trưởng Phòng Tổng Quản-L trị,

Việt-Hoa Công-Hoa.
Quan-Lục Việt-Hoa Công - Hoa.
Tiểu Đoàn IV 6 Quan Lưu 4
Tiểu Khu Kien-Hoa.
Tiểu Đoàn 502/Dr.

Số: 180 /TD.502/Dr.

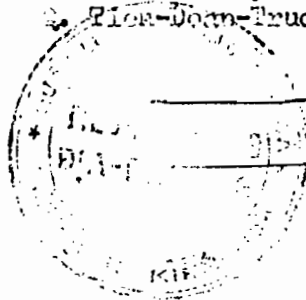
Bao-Giao Tin-Thao.

Họ và Tên : TRUNG-SI/DEA/ĐU
Cap-Bac : TRUNG-SI/DEA/ĐU
Số-Quan : 42.345.663
Định-Nghĩa : ĐI 1/ĐU
Cho, ngày. tháng, năm được có sự chết : Ngày 12-08-1974 tại XS. 455.
277. tại Xa Tân-Thành-Bình, Quan-lục-Cay, Kien-Hoa. Bì
Việt-Cong An-Sat.
Ngày Sinh : 1942. An-Hoi, Kien-Hoa.
Gia-Canh : 70 05 con.
Tên ba con thân thuộc với người chết và địa-chỉ người chết báo-tin:
Lo-Tan-Cang, An-Hoi, Truc-Giang, Kien-Hoa.
Trat lương :
Tham niên công-vu : 06 năm 04 tháng 22 ngày.
Ngày và nơi chôn : 14-08-1974 tại An-Hoi. Truc-giang, Kien-Hoa.
Quy-Trach Công-vu : Được Quy-Trach Công-Vu.

KBC. 3123 ngày 28 tháng 08 năm 1974

Đại-Uy VO-VAN-DUC.

Tiểu-Đoàn-Trưởng, Tiểu-Đoàn 502/Dr



NOI-TRIAN :
o TTM/P.TQT
o TL/QĐ IV-QK
Đề kinh tương-trình"
o HCTC số 7/
o TK/KH/P.TQT/
o YTTV/KH/K.TC.
"Đề tương"
o an nhân tu-si.
Đề tuy-nghị tiến-dùng"
TU./-

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE Kiến Hòa

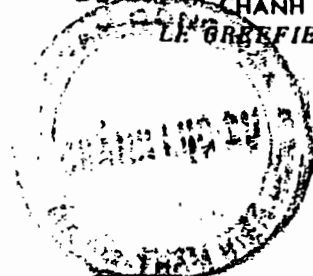
BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THÚ NĂM 1967 (BỤC 1111)
Extrait du registre des actes de mariage de l'année 1967 degré
LÀNG Bình Hòa TỈNH Kiến Hòa (NAM-PHẦN)
du village de Province de (Sud Viet-Nam)
Năm 1967 Số hiệu 106
Année Acte No

Kim-Sơn Công-Ty 3-73

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	<u>Lê sĩ Tường</u>
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	<u>An hội Kiến Hòa</u>
Sanh ngày nào Date de la naissance	<u>1942</u>
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	<u>Lê Văn Gang (s)</u>
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	<u>Trần thị Nam (s)</u>
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	<u>Nguyễn thị B</u>
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	<u>///</u>
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	<u>Phước Hưng Bể tre</u>
Sanh ngày nào Date de la naissance	<u>1942</u>
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	<u>Nguyễn Văn Hải (c)</u>
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	<u>Võ thị Dũ (c)</u>
Ngày kết hôn Date de mariage	<u>6/11/1967</u>

Trích y bản chánh
Pour extrait conforme

Kiến Hòa, ngày 25/10/1974 197
CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF,



humble
Lê Mộng Lan

Giá tiền 728489/6/D
Cốt
Biên lai số
Quittance No

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Điện Biên
QUẬN Điện Biên
XÃ Đ. hội

Số 3007

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

XÃ - TRƯỞNG Xã Thát Thẩn Đ. Uối

CHỨNG NHẬN:

ÔNG Lê si Bường (chết)

Căn cước số _____ cấp tại _____ ngày _____

Nghề nghiệp Quản nhân sinh ngày _____

và vợ là Bà Đoàn Thị C sinh ngày 12.11.1949

tại Thị trấn (Đ. hội) do hôn thú số 106 lập ngày 6.11.67

tại Điện Biên (đồng ý) các con kể sau:

1 Lê Thị Thanh Trúc sinh ngày 2.10.1968

tại Đ. hội Điện Biên do giấy khai sinh số 2331

2 Lê Thị Thanh Loan sinh ngày 23.10.1969

tại Đ. hội Điện Biên do giấy khai sinh số 2328

3 Lê Quốc Tuấn sinh ngày 20.9.1970

tại Đ. hội Điện Biên do giấy khai sinh số 2192

4 Lê Tuấn Bui sinh ngày 28.10.1971

tại Đ. hội Điện Biên do giấy khai sinh số 2370

5 Lê Thị Bui Bình sinh ngày 18.8.1974

tại Đ. hội Điện Biên do giấy khai sinh số 1570

6 _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

7 _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

8 _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

9 _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

10 _____ sinh ngày _____

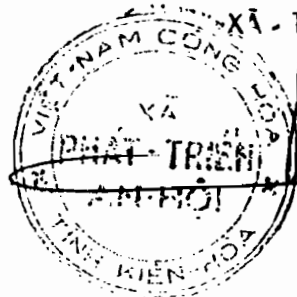
tại _____ do giấy khai sinh số _____

Hiện nay sống chung với nhau tại địa chỉ sau đây:

19/2 Khu I - Ấp Th. Khổng 2

Th. Uối, ngày 24 tháng 9 năm 1974

XÃ - TRƯỞNG, Đ. Uối



PHAN-VĂN-HIỆN

THỦ TỤC

Quản
Tai

AF FORM - 100 1-65 (REV. 4-51)

Co TRS/DPQ LA-SI-TUONG

50 2101 8 40/345-653

Ngày 16 tháng 1 năm 1960, tại Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

194

A-Hoi

Truog-Giang

Kien-Hoa

LE-VAN-CANG

TRAIL-THI-NAM

Am-Hoi, Truo-Giang, Kien-hon:

CO

- 2 20-05-1968 Tinh Nguyen gia-nhap vao Dia-Thucap-quan tai TK/Kien-Hoa, phuo-vu mot thoi
hau la 43 thang voi cap Binh-Nhat do so 018/BCH/TK/KH/Q-PTV/PM ngay
20-05-1968
1 20-05-1968 Thuyen chuyen tu BCH/TK/KH den TD/Tan-Lang do LTC so 3539/BCH/TK/KH/QTNV ngay
10-05-1968
1 26-06-1968 Thuyen chuyen tu BCH/TK/KH den DD IO3/CK giang tron do LTC so 4564/BCH/TK/KH
QTNV ngay 08-07-1968.
1 01-06-1968 Thuyen chuyen tu DD IO3/DE-Q den TK/KH/P3 trung-doi Vu-Khu mang do LTC so 5022
/BCH/TK/KH/QTNV ngay 30-07-1968
1 05-04-1969 Thang cap Binh-Nhat do so 2681/BCH/TK/KH/QTNV/QD ngay 15-04-1969 ova TK/Kien-
Hoa.
1 06-06-1970 Thuyen chuyen tu BCH/TK/KH den TD 401/DP do LTC so 5077/BCH/TK/KH/K-QTNV ngay
01-07-1970
1 21-09-1970 Thuyen chuyen tu TD 401/DP den TP/401/TP/401/TH do LTC so 6606/BCH/TK/KH/K-QTNV
ngay 19-10-1970
1 28-09-1970 Khoa-Sinh khoa 6/70 HSQ/EB/DB den thu-huan tai TP/III/QT.
1 19-12-1970 Man khoa thu-huan hoa-tro ve Quan-Khu 4 do LTC so 4546/HV/HS/HSQ/DB ngay
18-12-1970.
1 01-01-1971 Thuoc quan-so HTQXD quan khu 4 thuyen chuyen tu TK/Kien-Hoa do LTC so 1675/
QDIV/QK4/PTQ/HV HSQ ngay 24-01-1971
1 19-12-1973 Thang cap TRUNG-SI do so 3106/TTN/PTQ/MTT ngay 08-03-1971 ova Bo TTM.
1 01-01-1971 Thuyen chuyen tu TK/KH den DD 085/DP do LTC so 0805/BCH/TK/KH/PTQ ngay 09-
02-1971.
1 01-03-1973 Thuyen chuyen hop-thuc-hoa den TD 503/DP do LTC so 1389/BCH/TK/KH/P-PTQ ngay
01-02-1974.
1 01-03-1973 Duoc giu chuo-vu HSQ thu-ky DD4/509/DP do QD so 1561/BCH/TD-509/DP/QD ngay
24-07-1974
1 12-08-1974 Bi Viet-Cong An-Sat tai XS. 455.477 do HT/BCTT so 080/TD 509/DP ngay 28-08-
1974.
DUOC QUI TRACH CONG-VU.

SECRET

TL. Dai-Uy VO-VAN-ING
Q. Tieu-Dong-Truong, Tieu-Dong-FOU/PP
Thien-Uy Le-Van-Lai.
St. Quang, Quang-Tri, Pham-Vien

St-Guano, Ascension, New-Vien

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT LẬP
Tieu-Ban 509/DP
KBC. 3123

PHẦN I. - QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/QTNV lập)

1. HỌ TÊN LE-SI-TUONG 2. CẤP BẠC Có TRS/DP/ĐU 3. SỐ QUÂN 42/345.663

4. THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ: SỐ _____ Cấp tại _____ Ngày _____

5. CNQS: 111.20 6. Ngày sinh 1942 Nơi sinh An-Hoi, Kien-Hoa.

7. NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 20-03-1968 Với tư cách B2/D/Q/ĐU
Tiền quân-vụ _____ Từ _____ Đến _____

8. GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ _____ Đến _____ Lý do _____
- Từ _____ Đến _____ Lý do _____

9. GIẢI NGŨ NGÀY _____ Lý do _____
_____ Lý do _____

10. LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

- a) ☐ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Dương-sự bị phế tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-binh : ☐ Dương-sự bị mất-tích
☒ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả phụ : ☒ Dương-sự tạ thế
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp dưỡng tử phụ : Ngày 12 tháng 8 năm 74 tại XS.445277
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi : Tan-Thanh-Binh, Kien-Hoa.
☐ CTHC được cấp cho người thừa-kế : Lý do Đi Việt-Cong An, sát
☐ CTHC được cấp cho người giám-hộ :
Họ tên và địa-chỉ: Le-Van-Cang - Có qui-trách công-vụ ☒ (có)
An-Hoi, Truc-Giang, Kien-Hoa. - Không qui-trách công-vụ ☐

b) Lý do khác: _____

Ông LE-VAN-CANG Sinh ngày _____ (sống) (chết)
11. HỌ TÊN CHA MẸ: Bà TRAN-THI-NAM Sinh ngày _____ (sống) (chết)

12. GIA-CẢNH: ☐ Độc-thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 4 con

13. NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và Tên: TRUONG THI Sinh ngày 1-1-1947
Nơi sinh: An-Hoi, Ban-Tre Nghề nghiệp: Nồi Tro
Địa chỉ: An-Hoi, Kien-Hoa
☒ Trích-lục hôn-thú ☐ Chứng thư thế-vi hôn-thú ☐ An thế-vi hôn-thú
Số hiệu 106 Đăng ký ngày 6.11.67 tại An-Hoi

14. CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành niên)

HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRAI, GÁI	LOẠI CON	VĂN - KIẾN THAM - CHIÊU			
				Loại	Số	Ngày	Nơi đăng ký
- <u>LE THI THANH TRUC</u>	<u>02.10.60</u>	<u>Con</u>	<u>Tr/Tham</u>	<u>Tr/Tham</u>	<u>252</u>	<u>1968</u>	<u>An Hoi</u>
- <u>LE THI THANH LUAN</u>	<u>03.10.62</u>	<u>Con</u>	<u>Tr</u>	<u>Tr</u>	<u>2123</u>	<u>1969</u>	<u>-</u>
- <u>LE THI THANH</u>	<u>01.10.70</u>	<u>Con</u>	<u>Tr</u>	<u>Tr</u>	<u>212</u>	<u>1970</u>	<u>-</u>
- <u>LE THI THANH</u>	<u>01.10.71</u>	<u>Con</u>	<u>Tr</u>	<u>Tr</u>	<u>212</u>	<u>1971</u>	<u>-</u>

PHẦN II - CHIẾT-TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chính lập)

15.- LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG-SỰ, Cấp bậc 23 Bậc lương 23 Chỉ số lương Tham
 Phụ cấp gia đình 01 Vợ với số con 04 Phụ cấp đất dõ vùng Tham
 (ngoại trừ phụ cấp chức vụ, giao tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) Tham

Chiết-tính như sau:

- Lương căn-bản 12.200.000
- Phụ cấp vợ 5.500.000
- Phụ cấp con 5.500.000
- Phụ cấp đất dõ -
- Tăng khoản tạm thời -
- Phụ cấp khác (nếu có) -

CỘNG 23.200.000

LƯƠNG BẢN THÂN :

- Lương căn-bản -
- (kể cả phụ khoản chuyên môn)
- Phụ cấp đất dõ -
- Tăng khoản tạm thời -
- Phụ cấp đặc biệt -

CỘNG -

PHỤ CẤP VỢ CON :

- Phụ cấp vợ -
- (GD + ĐĐ + TKTT)
- Phụ cấp con -
- (GD + ĐĐ + TKTT)

CỘNG -

16.- TRỢ CẤP TỬ TUẤT: (Toàn thê hay tức thời) Trên đời bằng một hoặc hai hoặc mười hai Tham
 Lần số lương tháng cuối cùng chiết-tính gọi Mục 15, thành tiền là Tham
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ) Tham
 đã được ứng trả trước ngày 15 tháng 10 năm 1974 cho người thừa kế hữu quyền là (tên họ) Võ Văn Hoàng

(Chiếu HT số 3761/QĐ/TCTT/HCI/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III - CHỨNG THỰC

17.- CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng Phòng IQT hay Nhân-viên)

(Cấp bậc) Thiếu-ly (Họ tên) LE-VAN-LAI
 (Chức vụ) Si-Quan, Quan-Trí, Nhân-Viên

Ngày 10/10/74 Chữ ký Chim

18.- CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)

Cấp bậc Đại-uy (Họ tên) DAO-XU-HA
 (Chức-vụ) Si-Quan, Tài-Chánh.

Ngày 10/10/74 Chữ ký Chim

19.- CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ TRƯỞNG TỰ TRỊ HÀNH-CHÁNH

KBC. 6150, ngày 03 tháng 10 năm 1974
 CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ
Thieu-Ta NGUYEN-QUANG-SANG
Chi-Huy-Truong TT/ITTV/Kien-Hoa.

Chữ ký và ấn dấu



ĐƠN-VI: TT/TTTV/KINH HOÀ

K-Đ-C-Đ - 6130

Số PKSLB: _____

CHỨNG CHỈ NGỪNG LƯƠNG

Mẫu 2 LB

Số _____ / LB / KINH HOÀ

ĐẠI UY (cấp bậc, họ và tên) ĐẠO XU HA (chức-vụ)

HI QUẢN TẠI CHỖ/ĐP/TT/TTTV/KINH HOÀ Chứng nhận (cấp bậc, họ và tên) ĐO TH/ĐP Q

LÊ HI TƯỢNG số quân 42/345.663 Bậc lương T.6

Chỉ số lương _____

Phụ khoản chuyên môn _____ nội trú hay ngoại trú (1)

Tình trạng gia đình _____ vợ 4 con (2)

tư trần ngày 12.8.74. do BUU Tin Báo Cao Ta The số 080 ngày 26.8.74. của HCM/TĐ 509/ĐP Q
thanh toán tu tui theo chỉ số 2751 ngày 05.10.74.

đã được trả lương đến hết ngày tháng 8/74 theo các chi tiết sau đây:

— Lương chính	10,000	12.200.00
— Phụ cấp gia đình	GD,000	6.600.00
— Phụ cấp đất ở	AT,000	1.700.00
— Phụ cấp binh chủng		
— Phụ cấp chức vụ và lĩnh lĩnh	ao,000	4.200.00
— Phụ cấp sai biệt công chức		
— Phụ cấp ăn thực đặc biệt	ong,000	24.700.00
— Ghi nhớ tiền tem		

IAN VINH THINH LAP

1/TRUONG VAN CHUYEN

THAM-CHIẾU: HD số 9822 ngày 17.7.74 của TT/HSCN/KHC 619

Đương sự không còn nợ gì hay còn thiếu của _____

số tiền _____ về việc _____

đã kiểm soát:

BẢN ĐỊNH KÈM:

TRUNG UY KHUAT DUY HANH
TRUONG BAN LUONG BONG

6150

2 tháng 01 năm 1975

NƠI NHẬN:

TK 3

qt 1

1/ Xếp những chữ vô ích

(2) Bất huộc ghi ngày sanh

HAU SO .8
VIET NAM CONG HOA
TO DOG PHONG

II IAY CHUNG NHAP

0-
4))
12

DAI-VI: VIET VIEN TIEN KHU KIEN HOA
SSO: 826 /WFF/VIEN HOA.

Chung toi ky ten duoi day la : Y-Si Dai-Hy NGUYEN-DUNG-TRUC

Chung nhan rang: Trung-Si LE-SI-TUONG So huan : 42/345.663

Bi : Vet thuong uoi ben mat vi dan

Theo do chung toi cho rang nhung dieu ghi chu ke tren
co ket qua la:

Phap vien 13-08-1972 Xuat Vien 22 - 08 - 1972
(Cap giay chung thuong)

KIEN-THI :

Y-Si Truong Tieu Phu/Vien Hoa

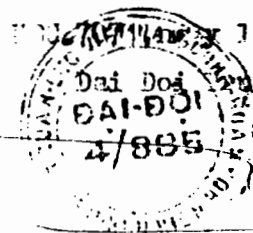
Y-Si Thieu-Ta NGUYEN-VAN-TUONG

Banh Vien Tieu Phu/Kien-Hoa.

(An-Ky)

TRICH SAO Y DAN CHANH :

13 thung 02 nam 197

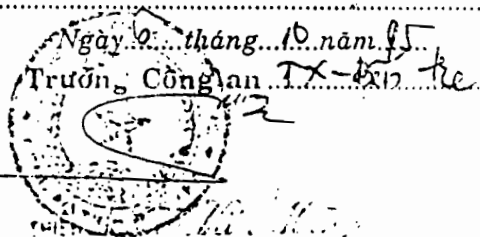


Daong Dai Doi/885/E

LE-VAN-TAT

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: cm.

- Họ và tên: LÊ THỊ TÚ TRINH
 - Bí danh (Tên thường gọi):
 - Ngày tháng năm sinh: 1974 Nam/Nữ: Nữ
 - Nơi sinh: gung Trăm Bùn Tre
 - Nguyên quán: gung Trăm Bùn Tre
 - Dân tộc: Nhật Tôn giáo:
 - Nghề nghiệp: CN
 - Nơi làm việc: giáo viên
 - Giấy CMND số: 32.824.245
 - Ngày cấp: 25/7/89 Nơi cấp:
 - Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 10/10/75
 - Nơi thường trú trước khi chuyển đến:



Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác:

Trưởng Công an

- Họ và tên: LÊ THỊ THANH LOAN
 - Bí danh (Tên thường gọi):
 - Ngày tháng năm sinh: 1969 Nam/Nữ: Nữ
 - Nơi sinh: Phước Nhường - TX - Bùn Tre
 - Nguyên quán: Phước Nhường - TX - Bùn Tre
 - Dân tộc: Việt Tôn giáo:
 - Nghề nghiệp: CN
 - Nơi làm việc: giáo viên
 - Giấy CMND số: 32.673.310
 - Ngày cấp: 25/7/84 Nơi cấp:
 - Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 10/10/76
 - Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

Ngày 6 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX - Bùn Tre

Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác:

Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Qm.

Họ và tên: LÊ QUỐC TUẤN
 Bí danh (Tên thường gọi):
 Ngày tháng năm sinh: 1970 Nam, Nữ: Nam
 Nơi sinh: Phước Khương - Thị trấn - Đèo Tre
 Nguyên quán: Phước Khương - TX. PT
 Dân tộc: Ninh Tôn giáo:
 Nghề nghiệp: Làm ruộng
 Nơi làm việc:
 Giấy CMND số: 320694648
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 10/10/76
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

Ngày 6 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Đèo Tre

Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác

Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Qm.

Họ và tên: LÊ TUẤN TỬ
 Bí danh (Tên thường gọi):
 Ngày tháng năm sinh: 1971 Nam, Nữ: Nam
 Nơi sinh: Giồng Trôm - Đèo Tre
 Nguyên quán: Giồng Trôm - PT
 Dân tộc: Ninh Tôn giáo:
 Nghề nghiệp: Làm ruộng
 Nơi làm việc:
 Giấy CMND số: 320727664
 Ngày cấp: 14/11/86 Nơi cấp:
 Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 10/10/76
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

Ngày 6 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Đèo Tre

Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác

Trưởng Công an

NGƯỜI XỬ-DỤNG THẺ QTV CẦN BIẾT

Loại G-4

Số:

- 1.- Thẻ này cấp phát cho cá-nhân và người đứng tên chịu trách nhiệm giữ gìn.
- 2.- Thẻ có giá trị trong năm, nếu mất sẽ không được cấp pho bản ngoại trừ trường hợp bất khả kháng được Chỉ-huy-Trưởng đơn-vị và nhà chức trách địa-phương chứng nhận.
- 3.- Cấm chuyển nhượng, đổi chác hay cầm thế thẻ này.
- 4.- Phải hoàn lại thẻ này cho đơn-vị khi giải ngũ hoặc chuyển chuyển đến đơn-vị không thuộc sự yểm-trợ của QLV/OTV gđđ.
- 5.- Khi chuyển-chuyển đến một đơn-vị không thuộc sự yểm-trợ của QLV/OTV gđđ thì phải xin QLV này hoàn lại pho thẻ mà QLV này gửi đi được, cấp thẻ tại đơn-vị mới.
- 6.- Cấm nhương hoặc trao đổi hàng QTV cho dân chúng.
- 7.- Nếu vi phạm các điều khoản trên thẻ sẽ bị thu hồi vĩnh-viễn và còn có thể bị truy tố trước Tòa-An Q. sự.

THẺ QUÂN TIẾP-VỤ

Nơi mua hàng Q4/QTU/KH

Họ và Tên	Lê-sĩ-Tuấn
Cấp-bác	Trung-sĩ
Số-quân	42/345.663
Đơn-vị	Đại-Đội 4/509/ĐH
Tên-Vợ	Nguyễn-thị-E
Số-con	04-con
KRC:6/50, ngày 16-8-21,	
Đường 7-10-71	

MẤU 9.10-71 QĐ 917B (Thay thế QĐ 917A ng)

HÀNG - HÓA

[illegible]

Số: 939 / 74

QUỐC-GIA_NGHĨA-TỬ'

- HỌ và TÊN(nguyên đơn)

- HỌ và TÊN (chồng)

- DIA-CHI

Kiên-Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 1974

TL-CHÁNH-LỤC-SỰ

NGUYỄN-NGỌC-PHÁN

2

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ:.....

- Họ và tên..... LÊ THỊ THANH TRÚC.....
- Bí danh (Tên thường gọi).....
- Ngày tháng năm sinh..... 1968..... Nam, Nữ Nữ.....
- Nơi sinh..... Giồng Trôm Bến Tre.....
- Nguyên quán..... Giồng Trôm Bến Tre.....
- Dân tộc..... Kinh..... Tôn giáo.....
- Nghề nghiệp..... Nhà.....
- Nơi làm việc.....
- Giấy CMND số..... 320642540.....
- Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú..... 10/10/76.....
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến.....

Ngày..... tháng..... năm..... 95
 Trưởng Công an TX Bến Tre

Chuyển đi ngày..... 20.05.97.....
 Nơi chuyển đến..... 101B, PHM, P5, TXBTre.....
 Lý do khác.....

Trưởng Công an Thị xã Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

SỔ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ.....NGUYỄN TH E.....

Số nhà.....4528.....

Đường phố, ấp.....II.....

Phường, xã, thị trấn.....Phm Khương.....

Huyện, thị xã,.....Thị xã Bến Tre.....

Ngày.....6.....tháng.....10.....năm.....95.....
Trưởng Công an TX.....Bến Tre.....

Số.....01326..... Mẫu số NK3a

CHỦ HỘ

1

- Họ và tên.....NGUYỄN TH E.....
- Bí danh (Tên thường gọi).....
- Ngày tháng năm sinh.....1942..... Nam, Nữ.....Nữ.....
- Nơi sinh.....Phm Khương - Thị xã Bến Tre.....
- Nguyên quán.....Thị xã Bến Tre.....
- Dân tộc.....Việt..... Tôn giáo.....
- Nghề nghiệp.....CN.....
- Nơi làm việc.....giáo viên.....
- Giấy CMND số.....32004786.....
- Ngày cấp.....7/6/78..... Nơi cấp.....
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú.....10/10/75.....
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến.....

Ngày.....6.....tháng.....10.....năm.....95.....
Trưởng Công an TX.....Bến Tre.....

Chuyển đi ngày.....
Nơi chuyển đến.....
Lý do khác.....

Trưởng Công an.....

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỐI CAO PHÁP-VIÊN

TÒA Sơ-Thẩm Kiến-hòa

TRÍCH-LỤC VĂN KIỆN THỀ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC SỰ

TÒA Sơ-Thẩm Kiến-hòa

(1) Ngày 24/5/1951

Giấy thề-vi khai sanh

cho Nguyễn thị E

(1) Số: 931

Một bản chánh giấy thề-vi khai sanh

cấp cho Nguyễn thị E

do O. Huỳnh hiên Thành Chánh-Án Tòa Án Kiến-hòa

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 24/5/1951

và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

- Nguyễn thị E, sanh ngày 12/11/1942, tại làng Phú-hưng (Bentre) con của Nguyễn văn Hai và Võ thị Dủ ./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến-hòa, ngày 5 tháng 6 năm 19 71

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phi 150

(1) Lập lại số ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục

bl: 11133/4



huỳnh

Lê mông Lân

ĐƠN XIN CỨU XÉT

KÍNH GỬI : HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FALLS CHURCH VA

KÍNH NGÀI .

Tôi tên : **NGUYỄN THỊ E** , sinh năm 1942 , tại xã Phú Hưng . Châu Thành , Bến Tre .

Hiện ngụ tại số nhà : 452 / B , ấp 5 , phường Phú Khương , thị xã Bến Tre .

Kính trình những việc sau đây :

Năm 1974 , chồng tôi là cố Trung sĩ nhất **LÊ SĨ TƯỜNG** . Hạ sĩ quan quân số địa phương quân, trực thuộc Tiểu khu Kiến Hoà, bị tử thương ngày 12/08/1974 trên đường đi tuyển mộ tân binh tại ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, chi khu Mỏ Cày, tại XS.455.277 , bị Việt Cộng dùng súng M.16 ám sát . Lúc đó đứa con cuối lòng của tôi chưa đầy tháng .

Sau ngày 30/04/1975, hồ sơ xin trợ cấp cô nhi quả phụ và quốc gia nghĩa tử làm chưa kịp, cho nên tôi chưa được hưởng gì cả. Do đó đến nay gia đình chúng tôi luôn gặp khó khăn .

Kính xin Quý Ngài Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam, cứu xét và giúp đỡ cho gia đình chúng tôi được xuất cảnh theo diện HO do chính phủ Hoa Kỳ đang cứu xét vì lòng nhân đạo của Quý Ngài .

Kính mong Quý Ngài giúp đỡ và thương xót gia đình chúng tôi . Tạo một cơ hội tốt cho gia đình chúng tôi thoát khỏi hoàn cảnh đau thương để gia đình vượt qua mọi khó khăn mà từ lâu gia đình hằng ao ước. Tôi rất mong sự phúc đáp của Quý Ngài .

Đây là những giấy tờ có liên quan đến chồng tôi . Kính mong Quý Ngài xem xét cho gia đình chúng tôi trong lúc này .

1. Tường trình uỷ khúc
2. Hồ sơ xin hưởng cấp dưỡng quả phụ
3. Chứng chỉ không tái giá
4. Phòng lục sự toà sơ thẩm
5. Chứng chỉ sống chung
6. Chứng chỉ ngừng lương

7. Chứng thư hành chánh
8. Báo cáo tạ thế
9. Giấy chứng thương
10. Tướng mạo quân vụ
11. Sáu tờ giấy khai sanh
12. Quốc gia nghĩa tử
13. Thẻ quân tiếp vụ
14. Hộ khẩu
15. Trích lục bộ khai tử

Kính mong Quý Ngài vì lòng nhân đạo mà cứu xét cho chúng tôi . Chúng tôi thành thật biết ơn .

Bến Tre ,ngày 06 tháng 03 năm 1999
Người đương đơn,



Nguyễn Thị E

Co TRS/DPQ LE-SI-TUO

British The Army The Army of the Republic of Vietnam.

Truc-Giang

Figure 1

LE-VAN-CANG

AR-Hoi, Truo-Giong, Nieu-hon.

1. *Phragmites australis* (Cav.) Trin. ex Steud.

() 3 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000 1001 1002 1003 1004 1005 1006 1007 1008 1009 1010 1011 1012 1013 1014 1015 1016 1017 1018 1019 1020 1021 1022 1023 1024 1025 1026 1027 1028 1029 1030 1031 1032 1033 1034 1035 1036 1037 1038 1039

Mr. Hoi

Гир-Нор

5. T BAN-THI-NAM

100

U S A F . D A K O

3 2.9

8

21

2. 1.

8 **10-25-79**

• Quelle Wahl Der Diät

Q: 10. 2014 年 12 月 25 日

- 20-03-1968 Tinh Nguyen Gia-hap vao Dia-Huong-Quan tai TK/Kien-Hoa, phuc-vu mot thoi han la 12 thang voi cap Binh-Thi do QD so 018/BCH/TK/KH/Q.TNV/TM ngay 22-03-1968
 - 20-03-1968 Thuyen chuyen tu BCH/TK/KH den TD/Tay-Lap; do LTC so 3539/BCH/TK/KH/QTNV ngay 10-06-1968
 - 15-06-1968 Thuyen chuyen tu BCH/TK/KH den DD 101/CK giuong trong do LTC so 4561/BCH/TK/KH/QTNV ngay 06-07-1968.
 - 01-08-1968. Thuyen chuyen tu DD 103/DPQ den TK/HU/13 trung-doi Vu-Khu mang do LTC so 5022/BCH/TK/KH/QTNV ngay 30-07-1968
 - 01-04-1969 Thang cap Binh-Nhat do so 2601/BCH/TK/KH/QTNV/QD ngay 15-04-1969 cua TK/Kien-Hoa.
 - 06-06-1970 Thuyen chuyen tu BCH/TK/KH den TD 401/DPQ do LTC so 5027/BCH/TK/KH/K.QTNV ngay 01-07-1970
 - 21-09-1970 Thuyen chuyen tu TD 401/DPQ den TT/HLQ/P.50/TH do LTC so 6606/BCH/TK/KH/K.QTNV ngay 12-10-1970
 - 20-09-1970 Khoa-Sinh Khoa 6/70 HSQ/DB/11 den thu-huoc tai TT/HL/QT.
 - 19-12-1970 Koa Khoa thu-huoc hoan-thuoc va Quan-Thu 4 do LTC so 4646/INV/HS/HSQ/DB ngay 18-12-1970.
 - 01-01-1971 Thuoc quoc-so LTCXD qua Khoa 4 thuyen chuyen di TK/Kien-Hoa do LTC so 1575/QTNV/QT/4/TQT/HV/HSQ ngay 24-01-1971
 - 19-12-1973 Thang cap TRUNG-SI do so 1106/HTN/TQT/MTT ngay 03-05-1971 cua Bo TTM.
 - 01-01-1971 Thuyen chuyen tu TK/KH den DD 505/DPQ do LTC so 0905/BCH/TK/KH/P.TQT ngay 09-02-1971.
 - 01-01-1973 Thuyen chuyen hoat-thuoc hoc den TD 509/DP do LTC so 1309/BCH/TK/KH/P.TQT ngay 01-02-1974.
 - 01-03-1973 Duoc giao chuo-vu HSQ thuoc DD 509/DP do QD so 1501/BCH/TD.509/DP/QD ngay 24-07-1974
 - 12-08-1974 Bi Viet-Gong An-Sat tai XS. 157.277 do HT/BCHP so 000/TD 509/DP ngay 28-08-1974.
- DUOC QUI TRACH CONG-VU.

//

//

11

TL: 211-85 VO-VAN-DUC

2. Tieu-Doc-Truong, Tieu-Doc 509/III.

Thieu-Uy Le-Vay-Lai.

Route 40505-21, Nhas-Vier

100-2446345

21 Dec 1974

DATE: 10/10/1964

... ..

Handwritten signature

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT LẬP
Tieu-Đem 509/CP
KHC. 3123

PHẦN I.- QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/QTNV lập)

1.- HỌ TÊN LE-SL-TUONG 2.- CẤP BẠC Cờ TRS/DPA/DU 3.- SỐ QUÂN 42/345.663

4.- THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ: Số _____ Cấp tại _____ Ngày _____

5.- CNQS: 111.20 6.- Ngày sinh 1942 Nơi sinh An-Hoi, Kien-Hoa.

7.- NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 20-03-1968 Với tư cách B2/D. Q/DU
Tiền quân-vụ _____ Từ _____ Đến _____

8.- GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ _____ Đến _____ Lý do _____
- Từ _____ Đến _____ Lý do _____

9.- GIẢI NGŨ NGÀY _____ Lý do _____
_____ Lý do _____

10.- LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

a) ☐ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Đương-sự bị phế-tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-binh : ☐ Đương-sự bị mất-tích
☒ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả-phụ : ☒ Đương-sự tẹ-thể
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tở-phụ : Ngày 12 tháng 8 năm 74 tại XS.445277
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhĩ : Tan-Thanh-Binh, Kien-Hoa.
☐ CTHC được cấp cho người thừa-kế : Lý do Bi Viet-Cong An, sat
☐ CTHC được cấp cho người giám-hộ :
Họ tên và địa-chỉ : Le-Van-Cang
An-Hoi, Truc-Hiang, Kien-Hoa.
- Có qui-trách công-vụ ☒ (co)
- Không qui-trách công-vụ ☐

b) Lý do khác: _____

11.- HỌ TÊN CHA MẸ: Ông LE-VAN-CANG Sinh ngày _____ (sống) (chết)
Bà TRAN-THI-NAM Sinh ngày _____ (sống) (chết)

12.- GIA-CẢNH: ☐ Độc-thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 04 con

13.- NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và Tên: HUYNH-THAI Sinh ngày 1942
Nơi sinh: Bu-Hung, Ban-Tru Nghề nghiệp: Hoi-Tro
Địa-chỉ: An-Hoi, Kien-Hoa
☒ Trích-lục hôn-thứ ☐ Chứng thư thể-vi hôn-thứ ☐ Ấn thể-vi hôn-thứ
Số hiệu 106 Đăng ký ngày 6.11.67 tại Binh-Hoa

14.- CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRAI, GÁI	LOẠI CON	VĂN - KIỆN THAM - CHIẾU			
				Loại	Số	Ngày	Nơi đăng ký
	b	c	d	e	f	g	h
- <u>LE-THI-THANH-THU</u>	<u>02.10.68</u>	<u>Con</u>	<u>tr/luoc</u>	<u>tr/luoc</u>	<u>231</u>	<u>1968</u>	<u>An Hoi</u>
- <u>LE-THI-THANH-LOAN</u>	<u>04.10.69</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>232</u>	<u>1969</u>	<u>-</u>
- <u>LE-THI-THANH-TOAN</u>	<u>20.09.70</u>	<u>trai</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>292</u>	<u>1970</u>	<u>-</u>
- <u>LE-THI-THANH-THU</u>	<u>28.10.71</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>237</u>	<u>1971</u>	<u>-</u>

PHẦN II. CHIẾT TÍNH LƯƠNG BÓNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập)

15. LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG-SỰ, Cấp bậc T3 Bậc lương T3 Chỉ số lương Thấp
 Phụ cấp gia đình 01 Vợ với số con 04 Phụ cấp đất đỏ vùng Thấp
 (ngoại trừ phụ cấp chức vụ, giao-tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) HAI MƯƠI BỐN CHƯỠNG
24.700.000
 Chiết-tính như sau:

— Lương căn-bản	12.200.000
— Phụ cấp vợ	6.600.000
— Phụ cấp con	5.900.000
— Phụ cấp đất đỏ	
— Tăng khoản tạm thời	
— Phụ cấp khác (nếu có)	
CỘNG	24.700.000

LƯƠNG BÀN THÂN:

— Lương căn-bản	
(kể cả phụ khoản chuyên môn)	
— Phụ cấp đất đỏ	
— Tăng khoản tạm thời	
— Phụ cấp đặc biệt	
CỘNG	

PHỤ CẤP VỢ CON:

— Phụ cấp vợ	
(GD + ĐĐ + TKTT)	
— Phụ cấp con	
(GD + ĐĐ + TKTT)	
CỘNG	

16. TRỢ CẤP TỬ TUẤT: (Toàn thể hay tức thời) Toàn thể bằng một hoặc hai hoặc mười hai Mười hai
 Lần số lương tháng cuối-cùng chiết-tính nơi Mục 15, thành tiền là HAI MƯƠI CHƯỠNG BỐN MƯƠI BỐN CHƯỠNG
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ) 296.400.000
 đã được ứng trả trước ngày 15 tháng 10 năm 1974 cho người thừa kế hữu quyền là (tên họ)
Vo 1. NGUYEN THI

(Chiếu HT số 3761/QĐ/TCTT/HCH/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. CHỨNG THỰC

17. CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng Phòng IQT hay Nhân-viên)
 (Cấp bậc) Thiếu tá (Họ tên) LE-VAN-LAI
 (Chức vụ) Si-Quan, Quan-Trí, Nhân-Viên

18. CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)
 Cấp bậc Đại-Uý (Họ tên) DAO-XU-HA
 (Chức-vụ) Sĩ-Quan, Tài-Chánh

19. CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ-TRƯỞNG TỰ-TRỊ HÀNH-CHÁNH

KBC. 6150, ngày 05 tháng 02 năm 1975
 CẤP BẠC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ
Thiếu-Tá NGUYEN-QUANG-SANG
Chi-Huy-Trưởng TT/TTV/Kien-Hoa.

Chữ ký và ấn dấu

ĐƠN:
K B. C.
Số PKSLB:

CHỨNG CHỈ NGỪNG LƯƠNG

Mẫu 2 - LB

Số / LB / KINH HOA

 ĐẠI UY (cấp bậc, họ và tên) ĐẠO XU HA (chức-vụ)

BI QUẢN TÀI CHAM / TT / VEV / KINH HOA Chứng nhận (cấp bậc, họ và tên) QU TÁ / P Q
 LƯU BI TƯƠNG số quân 12/345.663 Bậc lương T.6

Chỉ số lương

Phụ khoản chuyên môn nội trú hay ngoại trú (1)

Tình trạng gia đình vợ 4 con (2)

tư trên ngày 12.8.74. do ĐUU Tín Ngạo Cho Ta The số 080 ngày 26.8.74 của KH/TD 509/P Q
hết toàn tu tứt theo chỉ số 2751 ngày 05.10.74.

đã được trả lương đến hết ngày tháng 8/74 theo các chi-tiết sau đây :

— Lương chính	LC...	12.200.00
— Phụ cấp gia đình	GD...	6.600.00
— Phụ cấp đất đồ	XT...	1.700.00
— Phụ cấp bình chủng		
— Phụ cấp chức vụ và lĩnh lĩnh		
— Phụ cấp sai biệt công chức		
— Phụ cấp âm thực đặc biệt		
— Ghi nhớ tiền tem		
	Gong...	21.700.00

BIAN VINH DANG LAM

HIA/THANG VAN CHUEN

THAM-CHIEU số 0822 ngày 17.7.74 của TT/HCB/KHC 6319

Đương sự không còn nợ gì hay còn thiếu của

 số tiền và việc

BẢN ĐỊNH KẾT:

đã kiểm soát:

TRƯỞNG UY KHUAT DUY HANH
TRƯỞNG BAN LƯƠNG ĐƯƠNG

KHC 6150 ngày 1 tháng 01 năm 1975

NƠI NHẬN:

3

1

- 1 (1) Xếp những chữ vô ích
(2) Bất buộc ghi ngày sinh

TỈNH Khien-hoaQUAN Truc-giangXA An-hoi

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

XA - THƯỜNG XA Phat-trien An-Hoi

CHỨNG NHẬN:

Ông Lê Sĩ - Trường (chết).

Căn-cước số

cấp tại

ngày

Nghề nghiệp

Quản-nhân

sinh ngày

và vợ là Bà Đỗ-quyên Thị - E

sinh ngày

1942tại Thị-huynh (K. Bant)do hôn thú số 106

lập ngày

6-11-67tại Kinh-hiêp-giông-hông

các con kể sau:

1- Lê Thị Thanh Truc sinh ngày 02-10-1968tại An-hoi-trien-hoa do giấy khai sinh số 23312- Lê Thị Thanh Loan sinh ngày 05-10-1969tại An-hoi-trien-hoa do giấy khai sinh số 23283- Lê Quốc Tuấn sinh ngày 20-9-1970tại An-hoi-trien-hoa do giấy khai sinh số 21924- Lê Tuấn Quý sinh ngày 28-10-1971tại An-hoi-trien-hoa do giấy khai sinh số 23705- Lê Thị Quý Trish sinh ngày 18-8-1974tại An-hoi-trien-hoa do giấy khai sinh số 1570

6- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

7- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

8- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

9- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

10- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

Hiện nay sống chung với nhau tại địa chỉ sau đây

19/2 Khu I, An-Hoi, ngày 20 tháng 01 năm 1974An-Hoi, ngày 20 tháng 01 năm 1974

PHAN-VĂN-HIỆN

BỘ KIỂM KÝ DÙNG THỦ TỤC.

Tân Đang Thị Trish

Kiểm Vu

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE Kiếrhòa

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THÚ NĂM 1967 (BỨC / / /)
Extrait du registre des actes de mariage de l'année
LÀNG Kiếrhòa TỈNH Kiếrhòa (NAM-PHÀN)
du village de Province de (Sud Viet-Nam)
Năm 1967 Số hiệu 106
Année Acte No
Kim-Sơn Công-Ty 3-73

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Lê sĩ Nhữg
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	An hoi Kiếrhòa
Sanh ngày nào Date de la naissance	1942
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Lê văn Gang (s)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Trần thị Nga (s)
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Nguyễn thị E
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	/ / /
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Phủ Hưng Bơtre
Sanh ngày nào Date de la naissance	1942
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn văn Hai (s)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Võ thị Di (s)
Ngày kết hôn Date de mariage	6/11/1967

Trích y bản chánh
Pour extrait conforme

Giá tiền 107.181.891/Đ
Cout
Biên lai số
Quittance No

ngày 25/11/1967
CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF,
hư

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến - Hòa

★

số 1840/11

CHỨNG CHỈ KHÔNG TÁI - GIÁ

Xã - Trưởng Xã Phát triển xã An - Hội

Tỉnh Kiến - Hòa.

CHỨNG NHẬN

Bà Đoàn Thị C sinh năm 1942 tại
Xã Phước Hưng căn cước số 2174028 cấp tại Kiến - Hòa
ngày 10.3.70 là Quê-Phụ của Ông Đỗ Sĩ Trường
cấp bậc Trung Sĩ số quân 42/345.663, hiện cư ngụ tại
Phước Hưng 2 Xã An - Hội Quận Trúc Giang
Tỉnh Kiến - Hòa.

Trước khi chồng chết Bà không bỏ chồng và từ khi chồng chết Bà không bỏ
nhà chồng, không tái-giá, không đương nhiên ăn ở với người khác.

Vậy chúng tôi cấp chứng thư này để cho Bà tiện-dùng.

An Hội, ngày 14 tháng 11 năm 1974

Xã Trưởng,
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

PHAN-VĂN-HIỆN

Ký thủ Đoàn Thị C
Chức



HIEU

GCI

Viet-Nam Cong-Hoa.
Quan Lue Viet-Nam Cong-Hoa.
Quan Doan IV - Quan Khu 4
Tieu Khu Kien-Hoa.
Lien Doan 955/DP
Tieu Doan 509/DP.

SO : 812 /TD 509/DP/QS

KINH GOI :

ONG GIAM DOC HUA HUU-BONG VA CAP DUONG
(Bo Cun Chien-Binh)

KBC 4670

LINE	KE	VAN	KINH	:	SO LUCNG	:	CUOC	CHU
HO-SO	XIN HUONG	CAP DUONG	QUA	:	OI HS	:	Kinh chuyen den	Qui noi nhap
PHU	CUA BA NGUYEN-THI-B LA VO	:	:	:	:	:	de oai xet	
CHANH THUC	CUA CO TRUNG-SI/DPQ	:	:	:	:	:		
LE-SI-TUONG,	SQ 42.345-663	:	:	:	:	:		
THUOC TD	509/DP (TK/KIEN-HOA)	:	:	:	:	:		
GOM CO :								
OI Don xin huong	phu-oap							
OI Chung thu hach	Chanh QD 855 B							
(gon oap ho-so	gia oanh)							
OI TUONG MAO	QUAN-VU LOAI C							
O5 ANH	cua Quan-Hu.							

KBC 3123 ngay 5 thang 5 nam 1975

Dai-Uy VO-VAN-DUU
Tieu Doan-Truong, Tieu Doan 509/DP

NOI-NHAN

- Bo TTM/P.TQT " De kinh thong bao"
- Thap nhap de theo doi
- Lan/-



144 DUNG - TRINH UY - P 03
TRUNG HOP TU CHUNG OUA.

-1-

(/111 NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN IV + QUAN KHU 4
TIEU KHU KIEN HOA
TIEU DOAN 509/DP.
DAI DOI 4/509/DP.

-1-1-1-1-

SO: 1026 /DDA/509/DP/TTUK/QS.

- Ho va ten : LE-SI-THANG
- Cap - Bac : Trung-Si/DP/DP
- So - quan : 4 /345.663
- Don - Vi : DDA/509/DP.TK/Kien Hoa
- TRUONG HOA XAY RA : Vào lúc 13 giờ 45 phút, ngày 12 tháng 08 năm 1974
Đã được-Su đi tuyên bố Tan Binh tại ấp Cho Nếp xã Tân Thành Bình Chi-
Khố Ho-Cay tại tọa độ XS 455.277 bi Việt Cộng dùng súng P.16 an sát.
- KẾ-14 : Ha-Si-an được-Su bi Tu Thuong.
- QUY TRACH CONG VU : Đã được-Su được hoàn toàn thay trách vi Công Vu./-

KDC. 3123, ngày 13 tháng 08 năm 1974
Thieu-Uy TRAN-TRUC
XLETV. Dai Doi Truong Dai Doi 4/509/DP.



Signature

LƯU./-

TÁU SỐ 8

VIỆT NAM CÔNG HOÀ

ĐO QUỐC PHÒNG

LẤY CHỨNG NHẬN

ĐƠN-VI: ĐƠN VIỆN TIÊU KHI KINH HOÀ

SỐ: 926 /ĐVT/KINH HOÀ.

0-
13)

Chúng tôi ký tên dưới đây là : Y-Si Đại-Hy NGUYEN-DUNG-TRUC

Chúng nhận rằng: Trung-Si LE-SI-THONG Số đơn : 42/345.663

ĐI : Vết thương uoi ben mặt vi den

Theo đó chúng tôi cho rằng những điều ghi chú kê trên
có kết quả là:

Pháp vien 13-02-1972 Xuat Vien 22 - 08 - 1972

(Chép giay chug thuong)

Y-Si Đại-Hy :

Y-Si Thuan; Dieu Thu/lien Hoa

Y-Si Thieu-Ta NGUYEN-VU-THONG

Đơn vien Dieu Thu/lien-Hoa.

(An-Hy)

LẤY CHỨNG NHẬN :

13 tháng 02 năm 1972

Đại đội Trung Đại 04/885/E

ĐẠI-ĐỘI
4/885

LÊ-VĂN-TẤT

No: 780 AD. 509/DT.

Dec-90 To-110.

a) và con : 10 - 11 - 1970.
 Cấp-Dục : THUỐC-ĐI/MAY/00
 Số-quân : 42.545.665
 Ngày-Chết : 01/7/00.
 Cháu, ngày. tháng, năm được có mặt chết : ngày 12-06-1974 tại XS. 455.
 277. tại Ba Tân-Thành-Bình, Quan-Ho-Cay, Kiên-Hoa. B1
 Việt-Sông An-Bát.
 Ngày Sinh : 1942. An-Hoi, Kiên-Hoa.
 (Mẹ-Cháu : 70 05 con.
 Tên ba con thân thuộc với người chết và địa-chỉ người phải báo-tin:
 Lê-Văn-Dang, An-Hoi, Trục-Giang, Kiên-Hoa.
 Trích lương :
 Thời gian công-vụ : 06 năm 04 tháng 22 ngày.
 Ngày và nơi chết : 14-06-1974 tại An-Hoi. Trục-giang, Kiên-Hoa.
 Quy-Trạch Công-vụ : được Quy-Trạch Công-Vụ.

194. 1125 ngày 30 tháng 06 năm 1974

Dai-Uy VO-VAM-DUC.
Tieu-Dang-Truong, Tieu-Dang 509/D2

"The People"

Tieu-Doan-Truong, Tieu-Doan 502/1

FR: NGUYEN THI E
452B ẤP 5 PHƯỜNG FÚ KHUÔNG
THị xã Bến Tre
Tỉnh. Bến Tre

- quân phục, chỉ dẫn
(từ tháng) năm 1974
mà đi cùng nó

4/15 APR 20 1999



To: KHUẾ MINH THÚ

FALLS CHURCH VA
WASHINGTON

U.S.A.



22043/3418



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến-Hòa
QUẬN Phát-Triển An-Hội

XÃ Phát-Triển An-Hội
SỐ HIỆU 1570

TRÍCH LỤC BỐ KHAI-SANH

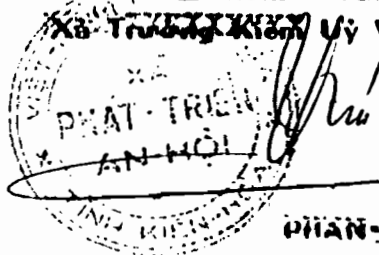
Lập ngày 21 tháng 08 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ LÊ THỊ TỬ-TRINH
Con trai hay con gái NỮ
Ngày sanh Mười tám, tháng tám năm 1974
///
Nơi sanh An-Hội, Kiến-Hòa
Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường (Chết)
Tên họ người mẹ Nguyễn-Thị-E
Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ-Chánh
Tên họ người đứng khai Nguyễn-Thị-E

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 23 tháng 8 năm 19 74

Xã Phát-Triển An-Hội Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỆP

VIỆT - NAM - CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến-Hồ

QUẬN /

XÃ Lộ-Tiến-An-Hội

SỐ HIỆU 2370

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 28 tháng 10 năm 1971

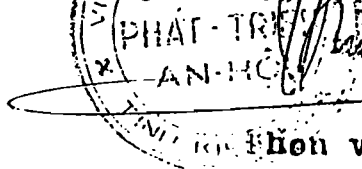
Tên họ đứa trẻ :	Lô Tuấn Tú
Con trai hay con gái	lớn
Ngày sinh	01/10/1971
Nơi sinh	An Hội Kiến-Hồ
Tên họ người cha	Lê Sĩ Tường
Tên họ người mẹ	Nguyễn thị E
Vợ chánh hay không có hôn thú	Vợ chánh
Tên người đứng khai	Lê Sĩ Tường

TRÍCH LỤC Ý BẢN CHÍNH

An Hội

ngày 28 tháng 10 năm 1974

Xã Lộ-Tiến-An-Hội Ủy Viên Hộ-tịch



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH: Kiến-Hòa

Q. QUẬN /

X. Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2331

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 2 tháng 10 năm 19 68

Tên họ đứa trẻ LÊ THỊ THANH-TRÚC

Con trai hay con gái Nữ

Ngày sanh Hai tháng mười năm 1968

Nơi sanh An-Lội - Kiến-Hòa

Tên họ người cha Lô-Sĩ-Tường

Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-E

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Tên họ người đứng khai Lô-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 19 75

~~X. Trưởng Khoa~~ Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỆN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VIÊN HOA

QUẬN /

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 1192

TRÍCH LỤC BỘ KHAI TỬ

Lập ngày 14 tháng 8 năm 1974

Tên họ người chết LE SI TUONG
Nghề nghiệp QUAN KHAN
Tên họ người cha LE VAN CANG
Tên họ người mẹ TRAN THI NAM
Ngày từ trần MUOI HAI THUANG TAM DEN 1974
Nơi từ trần TRUOC KHI VAO IENG VIEN
Địa chỉ người chết KDC. 4245
Tên họ người hôn phối NGUYEN THI B

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

AN HOA ngày 23 tháng 01 năm 1975

Xã Trưởng Kiểm Ủy Viên Hộ-Tịch

PHÁT TRIỂN
AN-HỘI

PHAN-VĂN-HIỂN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN /

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2192

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

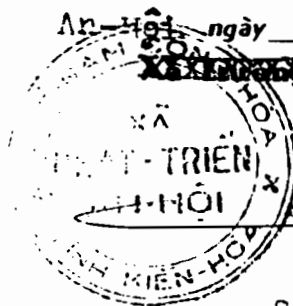
Lập ngày 21 tháng 9 năm 1970

Tên họ đứa trẻ LÊ QUỐC TUẤN
Con trai hay con gái Nam
Ngày sanh Hai mươi tháng chín năm 1970
Nơi sanh An-Hội - Kiến-Hòa
Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường
Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-E
Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh
Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 1975

Xã Phát Triển Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỆN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiên-Hòa

QUẬN /

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2328

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

lập ngày 06 tháng 10 năm 1969

Tên họ đứa trẻ LÊ-THỊ THANH-LOAN

Con trai hay con gái NỮ

Ngày sanh 12 tháng mười năm 1969

Nơi sanh An-Hội - Kiên-Hòa

Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường

Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-R

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 1975

~~XÁC ĐỊNH~~ Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỀN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến - An

QUẬN /

XÃ Thới An Hội

SỐ HIỆU 2370

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 20 tháng 10 năm 1971

Tên họ đứa trẻ : Lê Tuấn Tú
Con trai hay con gái : Con
Ngày sinh : 01/10/1971
Nơi sinh : An Hội, Kiến-An
Tên họ người cha : Lê Sĩ Tường
Tên họ người mẹ : Nguyễn Thị E
Vợ chánh hay không có hôn thú : Vợ chánh
Tên người đứng khai : Lê Sĩ Tường

TRÍCH LỤC Ý BẢN CHÁNH

An Hội

ngày 01 tháng 8 năm 1974

Xã Thới An Hội Ủy Viên Hộ tịch

PHÁT - TR

AN - H

Trần Văn Hiến

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN Phát-Triển An-Hội

XÃ Phát-Triển An-Hội

SỐ HIỆU 1570

TRÍCH LỤC BỐ KHAI-SANH

Lập ngày 21 tháng 08 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ LÊ THỊ TÚ-TRINH

Con trai hay con gái NỮ

Ngày sanh Mười tám, tháng tám năm 1974

Nơi sanh An-Hội, Kiến-Hòa

Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường (Chết)

Tên họ người mẹ Nguyễn-Thị-E

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ-Chánh

Tên họ người đứng khai Nguyễn-Thị-E

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 23 tháng 8 năm 19 74

Xã-Phát-Triển-Kiến-Hòa Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỆN

N/lob

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH VIÊN HOA
QUẬN -
XÃ Phát Triển An-Hội
SỐ HIỆU 1192

TRÍCH LỤC BỘ KHAI TỬ

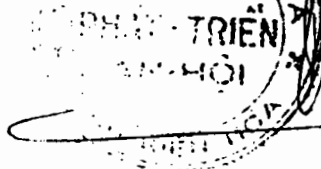
Lập ngày 14 tháng 8 năm 19 74

Tên họ người chết	<u>LE SI TUONG</u>
Nghề nghiệp	<u>QUAN NHAN</u>
Tên họ người cha	<u>LE VAN CANG</u>
Tên họ người mẹ	<u>TRAN THI NAM</u>
Ngày từ trần	<u>MUOI HAI THANG TAM NAM 1974</u>
Nơi từ trần	<u>TRUOC KHI VAO BENG VIEN</u>
Địa chỉ người chết	<u>KEC. 4245</u>
Tên họ người hôn phối	<u>NGUYEN THI E</u>

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

ngày 01 tháng 01 năm 19 75

Xã Phát Triển An-Hội Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỀN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH: Kiến-Hòa

QUẬN: /

XÃ: Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU: 2331

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 2 tháng 10 năm 19 68

Tên họ đứa trẻ LÊ THỊ THẠNH-TRÚC

Con trai hay con gái Nữ

Ngày sanh Hai tháng mười năm 1968

Nơi sanh An-Hội - Kiến-Hòa

Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường

Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-E

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ gảnh

Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 19 75

~~Xác định~~ Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-MIỀN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH * Kiến-Hòa

QUẬN /

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2328

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 06 tháng 10 năm 1969

Tên họ đứa trẻ LÊ-THỊ THANH-LOAN

Con trai hay con gái NỮ

Ngày sanh 10 tháng mười năm 1969

Nơi sanh An-Hội - Kiến-Hòa

Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường

Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-B

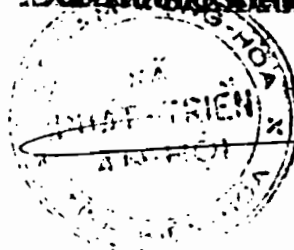
Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 27 tháng 01 năm 1975

XO KINH UY VIÊN HỘ-TỊCH



PHAN-VĂN-HIỀN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH KIẾN-HÒA

QUẬN

XÃ Phát Triển An-Hội

SỐ HIỆU 2192

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

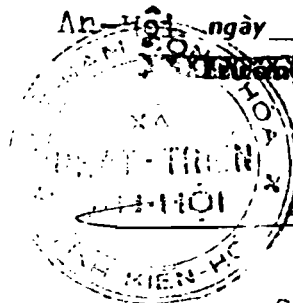
Lập ngày 21 tháng 9 năm 1970

Tên họ đứa trẻ LÊ QUỐC TUẤN
Con trai hay con gái Nam
Ngày sanh Hai mươi tháng chín năm 1970
Nơi sanh An-Hội - Kiến-Hòa
Tên họ người cha Lê-Sĩ-Tường
Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-E
Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh
Tên họ người đứng khai Lê-Sĩ-Tường

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

An-Hội ngày 27 tháng 07 năm 1975

Ủy Viên Hộ-Tịch



PHAN-VĂN-HIỂN

ĐƠN XIN CỨU XÉT

KÍNH GỬI : HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FALLS CHURCH VA

KÍNH NGÀI .

Tôi tên : **NGUYỄN THỊ E** , sinh năm 1942 , tại xã Phú Hưng , Châu Thành , Bến Tre .

Hiện ngụ tại số nhà : 452 / B , ấp 5 , phường Phú Khương , thị xã Bến Tre .

Kính trình những việc sau đây :

Năm 1974 , chồng tôi là cố Trung sĩ nhất **LÊ SĨ TƯỜNG** .Hạ sĩ quan quân số địa phương quân, trực thuộc Tiểu khu Kiến Hoà, bị tử thương ngày 12/08/1974 trên đường đi tuyển mộ tân binh tại ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, chi khu Mỏ Cày, tại XS.455.277 , bị Việt Cộng dùng súng M.16 ám sát .Lúc đó đứa con cuối lòng của tôi chưa đầy tháng .

Sau ngày 30/04/1975, hồ sơ xin trợ cấp cô nhi quả phụ và quốc gia nghĩa tử làm chưa kịp, cho nên tôi chưa được hưởng gì cả. Do đó đến nay gia đình chúng tôi luôn gặp khó khăn .

Kính xin Quý Ngài Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam, cứu xét và giúp đỡ cho gia đình chúng tôi được xuất cảnh theo diện HO do chính phủ Hoa Kỳ đang cứu xét vì lòng nhân đạo của Quý Ngài .

Kính mong Quý Ngài giúp đỡ và thương xót gia đình chúng tôi . Tạo một cơ hội tốt cho gia đình chúng tôi thoát khỏi hoàn cảnh đau thương để gia đình vượt qua mọi khó khăn mà từ lâu gia đình hằng ao ước. Tôi rất mong sự phúc đáp của Quý Ngài .

Đây là những giấy tờ có liên quan đến chồng tôi . Kính mong Quý Ngài xem xét cho gia đình chúng tôi trong lúc này .

1. Tường trình nỷ khúc
2. Hồ sơ xin hưởng cấp dưỡng quả phụ
3. Chứng chỉ không tái giá
4. Phòng lục sự toà sơ thẩm
5. Chứng chỉ sống chung
6. Chứng chỉ ngừng lương

7. Chứng thư hành chánh
8. Báo cáo tạ thế
9. Giấy chứng thương
10. Tướng mạo quân vụ
11. Sáu tờ giấy khai sanh
12. Quốc gia nghĩa tử
13. Thẻ quân tiếp vụ
14. Hộ khẩu
15. Trích lục bộ khai tử

Kính mong Quý Ngài vì lòng nhân đạo mà cứu xét cho chúng tôi . Chúng tôi thành thật biết ơn .

Bến Tre ,ngày 06 tháng 03 năm 1999

Người đương đơn,



Nguyễn Thị E

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT LẬP
Tieu-Đam 509/SP
KBC. 3123

PHẦN I.- QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/GTNV lập)

1.- HỌ TÊN LE-SI-TUONG 2.- CẤP BẠC Cơ TRS/DPA/DU 3.- SỐ QUÂN 42/345.663

4.- THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ: Số _____ Cấp tại _____ Ngày _____

5.- CNQS: 111.28 6.- Ngày sinh 1942 Nơi sinh An-Hoi, Kien-Hoa.

7.- NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 20-03-1968 Với tư cách B2/D'Q/DU

Tiền quân-vụ _____ Từ _____ Đến _____

8.- GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ _____ Đến _____ Lý do _____

- Từ _____ Đến _____ Lý do _____

9.- GIẢI NGŨ NGÀY _____ Lý do _____

Lý do _____

10.- LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

- a) ☐ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Đương-sự bị phế tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-binh : ☐ Đương-sự bị mất-tích
☒ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả phụ : ☒ Đương-sự tẹ thể
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tở phụ : Ngày 12 tháng 8 năm 74 tại XS.445277
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhĩ : Tan-Thanh-Binh, Kien-Hoa.
☐ CTHC được cấp cho người thừa-kế : Lý do Bị Viet-Cong An, sát
☐ CTHC được cấp cho người giám-hộ :
Họ tên và địa-chỉ : Le-Van-Cang - Có qui-trách công-vụ ☒ (co)
An-Hoi, Truc-Hang, Kien-Hoa. - Không qui-trách công-vụ ☐

b) Lý do khác: _____

11.- HỌ TÊN CHA MẸ: Ông LE-VAN-CANG Sinh ngày _____ (sống) (chết)

Bà TRAN-THI-NAM Sinh ngày _____ (sống) (chết)

12.- GIA-CẢNH: ☐ Độc-thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 04 con

13.- NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và Tên: TRAN-THI-NAM Sinh ngày 1942

Nơi sinh: Phu Hiep, Ban Trac Nghề nghiệp Hội Tru

Địa chỉ: An Hoi, Kien Hoa

☒ Trích-lục hôn-thú ☐ Chứng thư thể-vi hôn-thú ☐ An thể-vi hôn-thú

Số hiệu 106 Đăng ký ngày 6.11.67 tại Minh Hoa

14.- CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRAI, GÁI	LOẠI CON	VĂN - KIẾN THAM - CHIẾU			
				Loại	Số	Ngày	Nơi đăng ký
	b	c	d	e	f	g	h
- <u>LE-THI-THANH-TRUC</u>	<u>02.10.68</u>	<u>Gai</u>	<u>tr/thuc</u>	<u>tr/luc</u>	<u>231</u>	<u>1968</u>	<u>An Hoi</u>
- <u>LE-THI-THANH-LOAN</u>	<u>03.10.69</u>	<u>"</u>	<u>"</u>	<u>"</u>	<u>232</u>	<u>1969</u>	<u>"</u>
- <u>LE-THI-THANH-THAI</u>	<u>20.09.70</u>	<u>Trai</u>	<u>"</u>	<u>"</u>	<u>292</u>	<u>1970</u>	<u>"</u>
- <u>LE-THI-THANH-THU</u>	<u>28.10.71</u>	<u>"</u>	<u>"</u>	<u>"</u>	<u>2370</u>	<u>1971</u>	<u>"</u>

PHẦN II. CHIẾT-TÍNH LƯƠNG BÓNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập)

15. — LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG-SỰ : Cấp bậc T5 Bậc lương T6 Chỉ số lương Thấp
 Phụ cấp gia đình 01 Vợ với số con 04 Phụ cấp đất đỏ vùng Thấp
 (ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao-tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) HAI TRIỆU BỐN MƯƠI

ĐẠI THÁI DUNG CHANH (24.7000)
 Chiết-tính như sau :
 — Lương căn-bản 12.200000
 — Phụ cấp vợ 6.600000
 — Phụ cấp con 5.900000
 — Phụ cấp đất đỏ
 — Tăng khoản tạm thời
 — Phụ cấp khác (nếu có)
CỘNG 24.700000

Số phiếu kiểm-soát lương TD.509/Đ (08.74)
 — Đương-sự được trả lương đến hết tháng 08
 năm 1974

LƯƠNG BẢN THÂN :

— Lương căn-bản
 (kể cả phụ khoản chuyên môn)
 — Phụ cấp đất đỏ
 — Tăng khoản tạm thời
 — Phụ cấp đặc biệt
CỘNG 24.700000

PHỤ CẤP VỢ CON :

— Phụ cấp vợ
 (GD + DD + TKTT)
 — Phụ cấp con
 (GD + DD + TKTT)
CỘNG 24.700000

16. — TRỢ CẤP TỬ TUẤT : (Toàn thê hay tức thời) Toàn thê bằng một hoặc hai hoặc mười hai Mười hai
 lần số lương tháng cuối cùng chiết-tính nơi Mục 15, thành tiền là HAI TRIỆU BỐN MƯƠI
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ) 296.400000
 đã được ứng trả trước ngày 15 tháng 10 năm 1974 cho người thừa kế hữu quyền là (tên họ) VO LA NGUYEN THAI

(Chiếu HT số 3761/QL/TCTT/HCI/A ngày 26-3-1965)

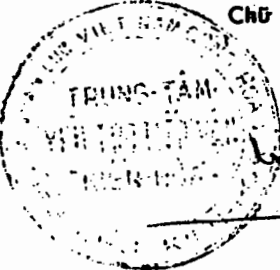
PHẦN III. — CHỨNG THỰC

17. — CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng Phòng IQI hay Nhân-viên)
 (Cấp bậc) Thiếu-lý (Họ tên) LE-VAN-LAI
 (Chức vụ) Si-Quan, Quan-Tri, Nhân-Vien

18. — CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)
 Cấp bậc Đại-lý (Họ tên) DAO-XU-HA
 (Chức-vụ) Si-Quan, Tài-Chanh.

19. — CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ-TRƯỞNG TỰ-TRỊ HÀNH-CHÁNH

KBC. 6150 ngày 03 tháng 02 năm 1975
 CẤP BẠC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ
Thieu-Ta NGUYEN-QUANG-SANG
Chi-Huy-Truong TT/TTT/Kien-Hoa.

CHỮ ký và ấn dấu


Co TRS/DPQ LE-SI-TUONG

Số quân: 12/345.663

Thị trấn Lạc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1942

Am-Hoi

Truc-Giang

Vien-Hoa

LE-VAN-GANG

TRAI-THI-NAM

Am-Hoi, Truc-Giang, Kien-hoa.

Thị trấn Lạc Sơn

Vien-Hoa

Thị trấn Lạc Sơn

Thị trấn Lạc Sơn

QUỐC QUÂN VIỆT NAM

- 20-05-1968 Tỉnh Nguyễn Gia nhập vào Địa-Hương-Quân tại TK/Kien-Hoa, phục vụ một thời hạn là 42 tháng với cấp Binh-Phái do QĐ số 018/BCH/TK/KH/Q.TNV/TM ngày 22-05-1968
 - 20-05-1968 Thuyên chuyển từ BCH/TK/KH đến TD/Tar-Lap; do LTC số 3539/BCH/TK/KH/Q.TNV ngày 10-05-1968
 - 16-06-1968 Thuyên chuyển từ BCH/TK/KH đến DD 101/CK giao trong do LTC số 4564/BCH/TK/KH/Q.TNV ngày 06-07-1968
 - 01-08-1968 Thuyên chuyển từ DD 101/CK đến TT/TH/13 trung-đoàn Vu-Khu mang do LTC số 5022/BCH/TK/KH/Q.TNV ngày 30-07-1968
 - 01-04-1969 Thang cấp Binh-Một do số 2581/BCH/TK/KH/Q.TNV/QĐ ngày 15-04-1969 của TK/Kien-Hoa
 - 06-06-1970 Thuyên chuyển từ BCH/TK/KH đến TD 401/DPQ do LTC số 5027/BCH/TK/KH/K.Q.TNV ngày 01-07-1970
 - 21-09-1970 Thuyên chuyển từ TD 401/DPQ đến TT/HLQT/TSO/TH do LTC số 6606/BCH/TK/KH/K.Q.TNV ngày 12-10-1970
 - 26-09-1970 Khoa-Sinh khoa 6/70 HSQ/DB/DB đến thu-huấn tại TT/HL/QT
 - 19-12-1970 Mãn khoa thu-huấn hoàn-tức và Quạt-Thu 4 do LTC số 4646/INV/HS/HSQ/DB ngày 18-12-1970
 - 01-01-1971 Thuộc quàn-số LTQĐ quàn khu 4 thuyên chuyển từ TK/Kien-Hoa do LTC số 1675/QĐIV/QT/TT/INV/HSQ ngày 24-01-1971
 - 19-12-1973 Thang cấp TRUNG-SI do số 1106/TTT/TTT/TTT ngày 08-05-1971 của Bộ TTM
 - 01-01-1971 Thuyên chuyển từ TK/KH đến DD 005/DPQ do LTC số 0905/BCH/TK/KH/TTQT ngày 09-02-1971
 - 01-01-1973 Thuyên chuyển hợp-thuộc-hoàn đến TD 509/DP do LTC số 1329/BCH/TK/KH/P.TQT ngày 01-02-1974
 - 01-05-1973 Được giữ chức-vụ HSQ, thu-huấn DD/509/DP do QĐ số 1581/BCH/TD/509/DP/QĐ ngày 24-07-1974
 - 12-06-1974 Bị Việt-Cong Am-Sat tại XS 455.277 do LT/BCHT số 080/TD 509/DP ngày 28-06-1974
- DUOC QUI TRACH CONG-VU.

//

** TIEN DICH ...

TL. DAI-HY VO-VAN-DUC
Q. Tiêu-Đoàn-Trung-Tiêu-Đoàn 509/DP
Thị trấn Lạc Sơn, Thanh Hóa

Thị trấn Lạc Sơn, Thanh Hóa

Handwritten signature

213 CÔNG - TRINH - VY - 100
TRUNG TẬP TẾ ĐOANH CHIA.

-1-

(/100) NAM CÔNG HOA
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOA
QUÂN ĐOÀN IV + QUÂN KHU 4
TIÊU KHU KIẾN HOA
TIÊU ĐOÀN 509/DP.
ĐẠI ĐỘI 4/509/DP.

-1-1-1-1-

Số: 1006 /DDA/509/DP/TTUK/QS.

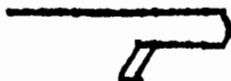
- Họ và tên : LÊ-SI-THUẬN
- Cấp - Bao : Trung-Sĩ/DP/DP
- Số - quân : 4 /345.663
- Đơn - Vị : ĐD4/509/DP.TK/Kiến Hoa
- THUỘC HỒ XÂY DỰNG : Vào lúc 13 giờ 15 phút, ngày 12 tháng 08 năm 1974
Hàng-Su đi tốp ra Tân Bình tại ấp Cho Nếp xã Tân Thành Bình Chi-
Khố Ho-Say tại tọa độ 85 455.877 bị Việt Cộng đang súng P.15 an sát.
- KẾT QUẢ : Hàng-Si-mán Hàng-Su bị Tù Thương.
- QUY TRÁCH CÔNG VỤ : Hàng-Su được hoàn toàn Quy trách vì Công Vụ./-

KDC. 3125, ngày 13 tháng 08 năm 1974
Thiếu-Uy TRẦN-TRÚC
XLEV.Đại Đội Trưởng Đại Đội 4/509/DP.



Mũi

LƯU./-



HIEU

GOI

Việt-Nam Cộng-Hoa.
Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hoa.
Quân Đoàn IV - Quân Khu 4
Tiểu Khu Kiên-Hoa.
Liên Đoàn 956/DP
Tiểu Đoàn 509/DP.

SO : 813 / TD 509/DP/QS

KINH GOI :

ÔNG GIAM ĐỐC NHÀ HƯU-BÔNG VÀ CẤP DƯNG
(Bộ Công Chiến-Bình)

KBC 4670

LIỆT	KH	VAN	KINH	:	SO LƯỢNG	:	CUỘC	CHU	
-----:-----:-----									
HQ-SO	XIN	HUONG	CAP	DUONG	QUA	:	OI HS	:	Kinh chuyển đến Quý nơi nhận
PHU	CUA	BÀ	NGUYEN-THI	E	LÀ	VO	:	:	để cùn xét
CHANH	THUC	CUA	CƠ	TRUNG-SI	DPQ	:	:	:	
LE-SI	TUONG	, SQ	42.3	45-663	:	:	:	:	
THUOC	TD	509/DP	(TK/KIEN-HOA)	:	:	:	:	:	
GOM CO :									
OI Đơn xin hương phả-cấp									
OI Chung thu hành Chánh QD 855 B									
(gồm các hồ-số gia cảnh)									
OI TƯƠNG MAO QUAN-VU LOAI C									
05 ANH của Quý-Rhu.									

KBC 3123 ngày 5 tháng 5 năm 1975

Đại-Uy VO-VAN-DUO
Tiểu Đoàn-Trưởng, Tiểu Đoàn 509/DP

NỘI-NHÂN

- Bộ TTM/P.T. " De kinh thông báo"
- Thừa nhận de theo dõi
- Lưu/-



[Handwritten signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiên-hòa

*

số 1840/15

CHỨNG CHỈ KHÔNG TÁI - GIÁ

Xã - Trưởng Xã Phát triển xã An-hội

Tỉnh Kiên-Hòa.

CHỨNG NHẬN

Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1942 tại
Xã Phú Hưng căn-cước số 2174028 cấp tại Kiên-hòa
ngày 10-3-70 là Quê-Phụ của Ông Lê Sĩ Trường
cấp bậc Trung Sĩ số quân 42/845.663, hiện cư ngụ tại
Phú Khương 2 Xã An-hội Quận Trúc-giang
Tỉnh Kiên-Hòa.

Trước khi chồng chết Bà không bỏ chồng và từ khi chồng chết Bà không bỏ
nhà chồng, không tái-giá, không đương nhiên ăn ở với người khác.

Vậy chúng tôi cấp chứng thư này để cho Bà tiện-dụng.

An-hội, ngày 14 tháng 11 năm 1974



Xã Trưởng,
ỦY-VÊN HỘ-TỊCH

PHAN-VĂN-HIỆN

Lý Thị Huệ
Chức

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE Kiểnhòa

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THÚ NĂM 1967 (BỤC III)
Extrait du registre des actes de mariage de l'année
LÀNG Kiểnhòa TỈNH Kiểnhòa (NAM-PHÀN)
du village de Province de (Sud Viet-Nam)
Năm 1967 Số hiệu 106
Année Acte No
Kim-Sơn Công-Ty 3-73

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Lô sĩ Tấn
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	An hị Kiểnhòa
Sanh ngày nào Date de la naissance	1942
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Lô vũ Cường (s)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Trần thị Kham (s)
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Nguyễn thị E
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	///
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Phước Hưng Bể tre
Sanh ngày nào Date de la naissance	1942
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn vũ Hai (s)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Võ thị Di (s)
Ngày kết hôn Date de mariage	6/11/1967

Trích y bản chánh
Pour extrait conforme

Giá tiền 10/10/89/16/D
Coút
Biên tài số
Quittance No

ngày 25/1/74 197
CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF,
hư

TỈNH Khien-hoaQUẬN Truc-giangXÃ An-hoi

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

XÃ-TRƯỞNG Xã Phát-triển An-Hoi

CHỨNG NHẬN:

Ông Lê Sĩ Cường (chết).

Căn-cước số _____ cấp tại _____ ngày _____

Nghề nghiệp Quản-nhân sinh ngày _____và vợ là Bà Võ-guyên-thị - E sinh ngày 1942tại Thị-huân (Kienh) do hôn thú số 106 lập ngày 6-11-67tại Kienh (Kienh) các con kê sau:1- Lê-thị-Chanh-Truc sinh ngày 02-10-1968tại An-hoi-Kienh-hoa do giấy khai sinh số 23312- Lê-thị-Chinh-Hoan sinh ngày 03-10-1969tại An-hoi-Kienh-hoa do giấy khai sinh số 23283- Lê-quốc-Buân sinh ngày 20-9-1970tại An-hoi-Kienh-hoa do giấy khai sinh số 21924- Lê-tuân-Bu sinh ngày 28-10-1971tại An-hoi-Kienh-hoa do giấy khai sinh số 23705- Lê-thị-Bu-Trinh sinh ngày 18-8-1974tại An-hoi-Kienh-hoa do giấy khai sinh số 1570

6- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

7- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

8- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

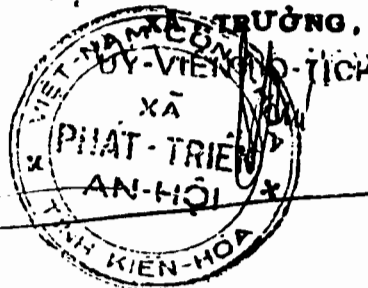
9- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

10- _____ sinh ngày _____

tại _____ do giấy khai sinh số _____

Hiện nay sống chung với nhau tại địa chỉ sau đây

49/3 Khu I, An-Hoi-Kienh-hoaAn-Hoi, ngày 28 tháng 01 năm 1974.

ĐÃ KIỂM KÝ ĐÚNG THỦ TỤC.

Tôn Đặng-thị-giang
Thôn Vu

PHAN-VĂN-HIỆN

ĐƠN: 21 / 27 / 1975 RUA

K. B. C. 60 / 60

Số PKSLB: _____

CHỨNG CHỈ NGỪNG LƯƠNG

Mẫu 2 - LB

Số 21 / LB / KINH HOA

DẠI LY (cấp bậc, họ và tên) ĐẠO XU HA (chức-vụ)

HI QUÂN TAI CHANH / ĐẠO XU HA / ĐẠO XU HA Chứng nhận (cấp bậc, họ và tên) ĐẠO XU HA

ĐẠO XU HA số quân 12/315.663 Bậc lương T.6

Chỉ số lương _____

Phụ khoản chuyên môn _____ nội trú hay ngoại trú (1)

Tình trạng gia đình _____ VO 4 OON (2)

tư trần ngày 12.8.74. do HUU Tin Đạo Cao Ta The số 020 ngày 26.8.74. của KHM/ĐD 509/ĐD
hành toán tu tust theo chỉ số 2751 ngày 05.10.74.

đã được trả lương đến hết ngày tháng 8/74 theo các chi-tiết sau đây:

— Lương chính	12.00.00
— Phụ cấp gia đình	6.600.00
— Phụ cấp đất ở	1.700.00
— Phụ cấp bình chủng	4.200.00
— Phụ cấp chức vụ và linh tinh	24.700.00
— Phụ cấp sai biệt công chức	
— Phụ cấp ăn thực đặc biệt	
— Ghi nhớ (nếu có)	

THAM VIÊN Đ. L. L. L.

THAM VIÊN Đ. L. L. L.

THAM CHIẾU ĐẠO XU HA số 022 ngày 17.7.74 của TT/HCH/KC 619

Đương tự (nếu còn nợ gì hay còn thiếu của _____

số tiền _____ về việc _____

BẢN ĐỊNH KẾT:

ĐẠO XU HA

ĐẠO XU HA
TRƯỞNG BAN

KDC 6150 ngày 2 tháng 01 năm 1975

NƠI NHẬN:

3

1

1 (1) Xóa những chữ vô ích

(2) Bất buộc ghi ngày sinh

150: 080 /AD, LOS/GR.

Tên họ : NGUYỄN VĂN ĐO
Cấp-Bậc : TRUNG-TH/ĐH/DU
Số-quân : 42.545.665
Địa-chỉ : Dị-văn.
Cho, ngày, tháng, năm được có sự chết : Ngày 12-06-1974 tại XS. 455.
277. tại Xã Tân-Thạnh-Hình, Quận-Hố-Cây, Kiên-Hoa. Tỉnh
Thạch-Giang An-Sat.
Ngày Sinh : 1942. An-loi, Kiên-Hoa.
Mục-Chức : Vô Q5 con.
Tên ba con thân thuộc với người chết và địa-chỉ người phải báo-tin:
Ie-Tan-Dang, An-Hoi, Thuc-Giang, Kiên-Hoa.

Thất-Lương :
Thời-gian công-vụ : 06 năm 04 tháng 22 ngày.
Ngày và nơi chết : 14-06-1974 tại An-Hoi. Thuc-giang, Kiên-Hoa.
Quy-Trách Công-vụ : Buộc Quy-Trách Công-Vụ.

Doi-Uy VO-VAM-MHC.

Minh-Duong-Truong, Tieu-Duan 509/DT

1. SECRET
 2. REF ID: A66666
 3. SECRET
 4. SECRET
 5. SECRET
 6. SECRET
 7. SECRET
 8. SECRET
 9. SECRET
 10. SECRET
 11. SECRET
 12. SECRET
 13. SECRET
 14. SECRET
 15. SECRET
 16. SECRET
 17. SECRET
 18. SECRET
 19. SECRET
 20. SECRET
 21. SECRET
 22. SECRET
 23. SECRET
 24. SECRET
 25. SECRET
 26. SECRET
 27. SECRET
 28. SECRET
 29. SECRET
 30. SECRET
 31. SECRET
 32. SECRET
 33. SECRET
 34. SECRET
 35. SECRET
 36. SECRET
 37. SECRET
 38. SECRET
 39. SECRET
 40. SECRET
 41. SECRET
 42. SECRET
 43. SECRET
 44. SECRET
 45. SECRET
 46. SECRET
 47. SECRET
 48. SECRET
 49. SECRET
 50. SECRET
 51. SECRET
 52. SECRET
 53. SECRET
 54. SECRET
 55. SECRET
 56. SECRET
 57. SECRET
 58. SECRET
 59. SECRET
 60. SECRET
 61. SECRET
 62. SECRET
 63. SECRET
 64. SECRET
 65. SECRET
 66. SECRET
 67. SECRET
 68. SECRET
 69. SECRET
 70. SECRET
 71. SECRET
 72. SECRET
 73. SECRET
 74. SECRET
 75. SECRET
 76. SECRET
 77. SECRET
 78. SECRET
 79. SECRET
 80. SECRET
 81. SECRET
 82. SECRET
 83. SECRET
 84. SECRET
 85. SECRET
 86. SECRET
 87. SECRET
 88. SECRET
 89. SECRET
 90. SECRET
 91. SECRET
 92. SECRET
 93. SECRET
 94. SECRET
 95. SECRET
 96. SECRET
 97. SECRET
 98. SECRET
 99. SECRET
 100. SECRET

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỐI CAO PHÁP VIỆN

TÒA Sơ-Thẩm Kiến-hòa

TRÍCH-LỤC VĂN KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC SỰ

TÒA Sơ-Thẩm Kiến-hòa

(1) Ngày 24/5/1951

Giấy thể-vi khai sanh

cho Nguyễn thị E

(1) Số: 931

Một bản chánh giấy thể-vi khai sanh
cấp cho Nguyễn thị E
do O. Huỳnh hiện Thành Chánh-Án Tòa Án Kiến-hòa
với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Gải, cấp ngày 24/5/1951
và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân
Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết
chắc rằng:

- Nguyễn thị E, sanh ngày 12/11/1942, tại làng
Phú-hưng (Bentre) con của Nguyễn văn Hai và Võ thị
Đủ ./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến-hòa, ngày 5 tháng 6 năm 1971

CHÁNH LỤC-SỰ,



huỳnh

Lê mộng Lan

Lệ-phi 15\$

(1) Lập lại số ngày tháng và năm
trên đây mỗi khi xin trích-lục

bl: 11133/4

MAU SO .8
VIET NAM CONG HOA
DO QUOC TRONG

IIAY CHUNG PHAN

ĐƠN-VI: ĐƠN VIỆN TIÊU CHỦ KIẾN HOA
ĐSO: 926 / ĐVTK/KIẾN HOA.

0-

42

Chúng tôi ký tên dưới đây là : Y-Si Đại-Hy NGUYEN-DUNG-TRUC

Chúng nhận rằng: Trung-Si LE-SI-THONG Số bản : 42/345.663

Vi : Vet Thuong uoi ben mat vi dan

Theo do chúng tôi cho rằng những điều ghi chú kê trên
có kết quả là:

Thập viên 13-02-1972 Xuat Viên 22 - 02 - 1972
(Cấp giấy chứng thương)

KIẾN-THI :

Y-Si Thuong Tieu Thu/ vien Hoa

Y-Si Thieu-Ta NGUYEN-V O-THONG

Đơn Viên Tiêu Thu/Kiến-Hoa.

(An-Hy)

THIÊN SƠ V HAY CHY :

13 tháng 02 năm 1972
Đại Đai Thuong Dai Doi 4/885/E
ĐAI-ĐO
4/885

LE-VAN-TAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **820047838**

Họ tên **NGUYỄN-THỊ-È**



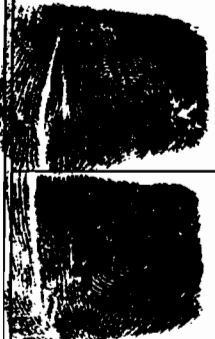
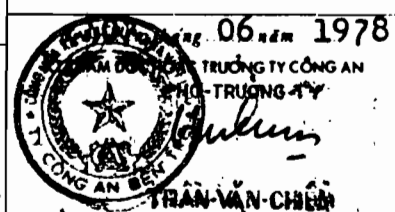
Sinh ngày **12-11-1942**

Nguyên quán **Xã Phú Hưng.**

Châu Thành, Bến Tre.

Nơi thường trú **452B Xã Phú**

Khương, Thị Xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGON TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo thủng 0,6cm cách 2,8cm sau mep phải.	
	NGON TRỎ PHẢI	06 năm 1978	
			

NGƯỜI XỬ DỤNG THẺ QTV CẦN BIẾT

Loại G-4

Số:

- 1.- Thẻ này cấp phát cho cá-nhân và người đứng tên chịu trách nhiệm giữ.
- 2.- Thẻ có giá trị trong năm, nếu mất sẽ không được cấp phát bản ngoài trừ trường hợp bồi khản không được Chỉ-huy-Trưởng đơn-vị và nhà chức trách địa-phương chứng nhận.
- 3.- Cần chuyển nhượng, đổi chức hay cầm thẻ thẻ này.
- 4.- Phải hoàn lại thẻ này cho đơn-vị khi gửi ngủ hoặc chuyển chuyển đến 1 đơn-vị không thuộc sự yểm trợ của QH/OTV gđđ.
- 5.- Khi chuyển-chuyển đến một đơn-vị không thuộc sự yểm-trợ của QH/OTV gđđ thì phải xin QH này hoàn lại phần thẻ mà QH lưu giữ để được cấp thẻ tại đơn-vị mới.
- 6.- Cần nhượng hoặc trao đổi hàng QTV cho đơn vị chúng.
- 7.- Nếu vi phạm các điều khoản trên thẻ sẽ bị thu hồi vĩnh-viễn và còn có thể bị truy tố trước Tòa-Án().

THẺ QUÂN TIẾP-VU

Nơi mua hàng QH/OTV/KH

Họ và Tên	Lê-sĩ-Tuấn
Cấp-bậc	Trung-sĩ
Cố-quên	42/345.663
Đơn-vị	Đại-Đội 4/509/ĐH
Liên-Ven	Nguyễn-thị-E
Cố-quên	04 Con
KHO:6/50, ngày 16-8-71	
Dương-giới	E. 711.111

MẤU QD917B (Thay thế QD917A ng 16-71)

HÀNG - HÓA

[illegible]

Số: 939 / 74

QUỐC-GIA-NHĨA-TỬ

- HỌ và TÊN(nguyên đơn)

Nguyễn-thị-Phúc

- HỌ và TÊN: (chồng)

Lê-Sĩ-Tường

- ĐỊA-CHỈ

Ấp-hơn - (Khuôn-hòa)

Kiên-Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 1974

TL-CHÁNH-LỤC-SỰ

NGUYỄN-NGỌC-PHÁN

Trần
Số 114/m

2

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Ơm

- Họ và tên: LÊ THỊ THANH TRÚC
- Bí danh (Tên thường gọi):
- Ngày tháng năm sinh: 1968 Nam, Nữ: Nữ
- Nơi sinh: Xã Trôm, Bùn Tre
- Nguyên quán: Xã Trôm, Bùn Tre
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo:
- Nghề nghiệp: Nô 3
- Nơi làm việc:
- Giấy CMND số: 326642540
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 16/10/76
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

Ngày 9 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Bùn Tre

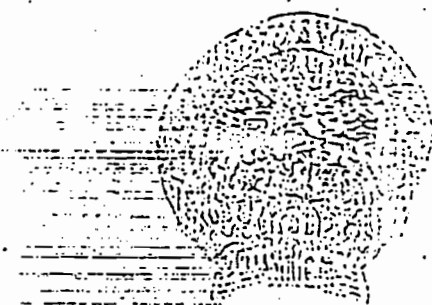
Chuyển đi ngày 20.05.97
 Nơi chuyển đến: 101B, HTM, P5, TX Bùn Tre
 Lý do khác:

Trưởng Công an Thị xã Bùn Tre

VIỆN TÁ Thị xã Bùn Tre

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU



CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

SỔ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ NGUYỄN TH E
Số nhà 452B
Đường phố, ấp I
Phường, xã, thị trấn Phm Khương
Huyện, thị xã, Thị xã Bến Tre

Ngày 6 tháng 10 năm 95
Trưởng Công an TX Bến Tre

SỐ 01326 Mẫu số NK3a

CHỦ HỘ

1

Họ và tên NGUYỄN TH E
Bí danh (Tên thường gọi)
Ngày tháng năm sinh 1942 Nam Nữ Nữ
Nơi sinh Phm Hưng - Thị xã Bến Tre
Nguyên quán Thị xã Bến Tre
Dân tộc Kinh Tôn giáo
Nghề nghiệp CN
Nơi làm việc giáo viên
Giấy CMND số 32004780
Ngày cấp 7/6/78 Nơi cấp
Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/75
Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 6 tháng 10 năm 95
Trưởng Công an TX Bến Tre

Chuyển đi ngày
Nơi chuyển đến
Lý do khác

Trưởng Công an

4

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Qm.

Họ và tên: LÊ QUỐC TÚN
 Bí danh (Tên thường gọi):
 Ngày tháng năm sinh: 1970 Nam/Nữ: Nam
 Nơi sinh: Phước Khương - Th. Gò Dầu - H. Bàu Bè
 Nguyên quán: Phước Khương - TX. Bt
 Dân tộc: Nh. 1 Tôn giáo:
 Nghề nghiệp: Làm ruộng
 Nơi làm việc:
 Giấy CMND số: 320694648
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 10/10/76
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

Ngày 6 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Bàu Bè

Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác
 Trưởng Công an

5

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Qm.

Họ và tên: LÊ TÚN TÚ
 Bí danh (Tên thường gọi):
 Ngày tháng năm sinh: 1971 Nam/Nữ: Nam
 Nơi sinh: Gò Dầu - Th. Bàu Bè
 Nguyên quán: Gò Dầu - TX. Bt
 Dân tộc: Nh. 1 Tôn giáo:
 Nghề nghiệp: Làm ruộng
 Nơi làm việc:
 Giấy CMND số: 320727664
 Ngày cấp: 14/11/80 Nơi cấp:
 Ngày tháng năm đăng ký thường trú: 10/10/76
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

Ngày 9 tháng 10 năm 95
 Trưởng Công an TX Bàu Bè

Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến
 Lý do khác
 Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Ơm.

- Họ và tên LÊ THỊ TÚ TRINH
- Bí danh (Tên thường gọi)
- Ngày tháng năm sinh 1974 Nam, Nữ Nữ
- Nơi sinh Xã Tân - Bến Tre
- Nguyên quán Xã Tân - Bến Tre
- Dân tộc Nùng Tôn giáo
- Nghề nghiệp CN
- Nơi làm việc giáo viên
- Giấy CMND số 32824245
- Ngày cấp 25/1/89 Nơi cấp
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/75
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 2 tháng 10 năm 85
Trưởng Công an TX - Bến Tre

Chuyển đi ngày

Nơi chuyển đến

Lý do khác

Trưởng Công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Ơm.

- Họ và tên LÊ THỊ THANH LOAN
- Bí danh (Tên thường gọi)
- Ngày tháng năm sinh 1959 Nam, Nữ Nữ
- Nơi sinh Phước Nhượng - TX - Bến Tre
- Nguyên quán Phước Nhượng - TX - Bến Tre
- Dân tộc Kinh Tôn giáo
- Nghề nghiệp CN
- Nơi làm việc giáo viên
- Giấy CMND số 32573310
- Ngày cấp 25/1/84 Nơi cấp
- Ngày tháng năm đăng ký thường trú 10/10/76
- Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày 6 tháng 10 năm 95
Trưởng Công an TX - Bến Tre

Chuyển đi ngày

Nơi chuyển đến

Lý do khác

Trưởng Công an

FROM: NGUYEN THI E

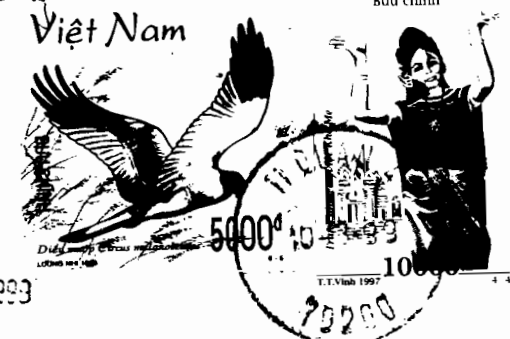
452 B Ấp 5 phường

THU KHUONG Th. xã BENTRE

Tỉnh BENTRE

= gởi bưu điện
cùng TS/1 - Lê Thị Nien
li C3 an sat
12-2-74

Việt Nam
Bưu chính



R 482
70200 LUAR

11 QUAN
10-3-39
70200

MAR 20 1993

T 702/ = 65.000

FALLS CHURCH VA
20
1993
USPS

TO: KHUC MINH THU

FALLS CHURCH VA

U S A

 Par Avion
Via Airmail



70200

10-3-99
70200

10-3-99
70200